KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 CÁC TRƯỜNG PTDTNT VÀ
TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN NĂM HỌC 2021 - 2022

BAN CHẤM THI

BẢNG KẾT QUẢ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 CÁC TRƯỜNG PTDTNT VÀ TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN
NĂM HỌC 2021 - 2022

TT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Nơi sinh (Tỉnh)	Học sinh trường	Điểm				Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Chuyên	
1	0700001	Nguyễn Ngọc Thái An	29/09/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Tân Phong	5.00	8.50	4.20	3.25	
2	0700002	Lê Thế Anh	19/12/2006	Kinh	Nam	Điện Biên	Đoàn Kết	8.00	9.75	8.15	7.75	
3	0700003	Trần Tuấn Anh	17/01/2006	Kinh	Nam	Nam Định	TT Mường Tè	4.00	8.00	4.10	4.75	
4	0700004	Vũ Quỳnh Anh	29/12/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Đoàn Kết	7.50	9.50	7.65	7.25	
5	0700005	Vũ Đức Cường	05/06/2006	Kinh	Nam	Hòa Bình	Mường So	6.75	7.00	3.65	3.50	
6	0700006	Lê Ngọc Khánh Đan	07/12/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Đoàn Kết	8.25	9.50	8.65	4.50	
7	0700007	Bạch Quý Đạt	28/04/2006	Mường	Nam	Lai Châu	TT Nậm Nhùn	6.25	9.00	5.15	6.50	
8	0700008	Nguyễn Ngọc Diệp	08/09/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Đoàn Kết	6.75	9.00	8.25	5.75	
9	0700009	Dương Minh Đức	23/07/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	7.00	9.00	8.80	6.50	
10	0700010	Trần Minh Đức	02/08/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Tân Phong	3.75	9.25	3.80	3.50	
11	0700011	Lê Quang Dũng	05/05/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	7.75	9.50	8.40	6.00	
12	0700012	Lê Xuân Dũng	03/03/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	7.25	9.50	8.55	6.00	
13	0700013	Trần Quang Dũng	12/04/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Nậm Tăm	6.00	9.50	7.25	6.75	
14	0700014	Đặng Quốc Dương	02/05/2006	Kinh	Nam	Phú Thọ	Đoàn Kết	6.50	9.50	6.00	6.50	
15	0700015	Dương Thị Ánh Dương	13/03/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Nậm Tăm	6.50	8.50	7.20	3.75	
16	0700016	Bùi Thị Mỹ Duyên	03/04/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Đông Phong	7.00	9.00	6.80	5.00	
17	0700017	Bùi Hương Giang	20/10/2006	Kinh	Nữ	Điện Biên	Nậm Cuổi	5.50	6.25	5.35	1.75	
18	0700018	Nguyễn Phương Giang	18/07/2006	Kinh	Nữ	Phú Thọ	TT Sìn Hồ	8.00	9.00	7.50	6.00	
19	0700019	Trịnh Hoàng Đại Hải	04/06/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	7.00	9.75	9.40	7.75	
20	0700020	Nguyễn Minh Hằng	21/11/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Đoàn Kết	6.50	9.00	8.40	5.75	
21	0700021	Phùng Thúy Hiền	06/08/2006	Kinh	Nữ	Nam Định	TT Mường Tè	6.75	9.25	4.65	9.00	
22	0700022	Hoàng Minh Hiếu	09/10/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	TT Tân Uyên	4.00	7.25	6.20	2.50	
23	0700023	Nguyễn Đức Hiếu	06/12/2006	Kinh	Nam	Phú Thọ	Pa Khóa	5.75	8.50	5.85	3.50	
24	0700024	Nguyễn Khắc Hiếu	29/09/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Pa Khóa	5.25	8.50	4.25	1.75	
25	0700025	Nguyễn Minh Hiếu	12/10/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Tân Phong	7.75	9.50	5.80	4.50	
26	0700026	Phạm Công Hoàng	22/12/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	8.25	9.75	9.60	8.00	
27	0700027	Phạm Vũ Hoàng	29/03/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Tân Phong	6.50	9.00	5.50	4.75	
28	0700028	Vũ Thế Hùng	18/08/2006	Kinh	Nam	Thái Bình	TT Nậm Nhùn	7.50	9.00	5.50	6.50	

TT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Nơi sinh (Tỉnh)	Học sinh trường	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Chuyên	Ghi chú
29	0700029	Nguyễn Trọng Hưng	22/08/2006	Cao Lan	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	7.50	9.50	7.65	6.75	
30	0700030	Trần Mai Hương	13/12/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	TT Nậm Nhùn	7.00	9.00	8.00	4.50	
31	0700031	Phạm Bá Huy	05/03/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	8.00	9.75	8.65	6.75	
32	0700032	Phạm Gia Huy	21/09/2006	Kinh	Nam	Điện Biên	Đoàn Kết	7.75	9.75	9.10	7.00	
33	0700033	Bùi Nguyễn Thương Huyền	20/12/2006	Kinh	Nữ	Thanh Hóa	TT Phong Thổ	7.25	8.75	5.80	6.00	
34	0700034	Nguyễn Nam Khánh	08/10/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	7.50	9.75	7.35	8.00	
35	0700035	Nguyễn Gia Khánh	31/07/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Tân Phong	7.50	9.50	8.90	7.50	
36	0700036	Trần Nhật Khánh	01/07/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	8.00	9.75	7.65	8.00	
37	0700037	Đinh Trung Kiên	15/05/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đông Phong	5.00	7.50	4.75	1.00	
38	0700038	Nguyễn Trung Kiên	15/02/2006	Kinh	Nam	Hà Tây	Đoàn Kết	7.50	9.75	9.30	7.75	
39	0700039	Phan Anh Kiệt	12/12/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	6.25	8.50	6.85	5.25	
40	0700040	Chu Ngọc Lan	13/08/2006	Kinh	Nữ	Vĩnh Phúc	Tân Phong	7.00	9.00	3.55	3.25	
41	0700041	Phan Thị Khánh Lê	20/04/2006	Kinh	Nữ	Nghệ An	Quyết Thắng	5.50	8.75	6.20	2.50	
42	0700042	Hà Phạm Mai Linh	28/06/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Tân Phong	6.25	9.25	9.15	3.75	
43	0700043	Hoàng Khánh Linh	02/08/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	TT Sìn Hồ	8.00	9.25	8.65	7.25	
44	0700044	Vương Phượng Linh	23/10/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Đoàn Kết	8.00	9.25	8.15	5.50	
45	0700045	Nguyễn Thành Luân	22/09/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	7.50	9.75	9.75	5.50	
46	0700046	Nguyễn Hương Ly	20/12/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Quyết Thắng	6.00	6.25	3.30	3.00	
47	0700047	Nguyễn Khánh Ly	10/12/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Đoàn Kết	5.00	7.50	4.65	2.75	
48	0700048	Đặng Thế Mạnh	30/06/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	4.75	7.75	6.55	6.50	
49	0700049	Đoàn Duy Mạnh	10/02/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Tân Phong	5.00	9.50	8.65	6.75	
50	0700050	Nguyễn An Miên	11/09/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Quyết Thắng	6.50	9.00	5.80	5.00	
51	0700051	Hoàng Công Minh	06/06/2006	Kinh	Nam	Điện Biên	Mường Tè	4.50	7.25	5.35	3.00	
52	0700052	Nguyễn Tuấn Minh	06/09/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Trần Quốc Tuấn	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
53	0700053	Đinh Nguyễn Bảo Nam	08/12/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Tân Phong	4.50	9.25	8.15	4.50	
54	0700054	Phạm Khánh Nam	05/06/2006	Kinh	Nam	Thái Bình	Đoàn Kết	6.00	8.50	4.60	4.25	
55	0700055	Vương Thành Nam	02/01/2006	Kinh	Nam	Điện Biên	Tân Phong	6.75	9.75	8.70	9.00	
56	0700056	Hoàng Kim Ngân	27/08/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Tân Phong	7.50	7.75	5.10	5.75	
57	0700057	Nguyễn Hà Tuấn Nghĩa	02/04/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	7.50	9.50	7.45	6.00	
58	0700058	Nguyễn Yến Ngọc	15/05/2006	Kinh	Nữ	Hưng Yên	Đoàn Kết	7.00	9.00	7.40	7.00	
59	0700059	Trần Bích Ngọc	22/02/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Đoàn Kết	8.50	9.25	8.90	8.00	
60	0700060	Nguyễn Thảo Nguyên	27/12/2006	Kinh	Nữ	Lào Cai	Pom Hán	5.00	8.75	8.20	3.50	
61	0700061	Nguyễn Thảo Nguyên	21/01/2006	Kinh	Nữ	Thái Bình	TT Tam Đường	8.00	9.50	6.80	8.00	
62	0700062	Hoàng Đặng Hà Nhi	13/05/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Đoàn Kết	7.50	9.50	10.00	6.50	

TT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Nơi sinh (Tỉnh)	Học sinh trường	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Chuyên	Ghi chú
63	0700063	Nguyễn Yến Nhi	19/08/2006	Kinh	Nữ	Hưng Yên	Đoàn Kết	8.00	9.25	5.35	7.00	
64	0700064	Trần Thị Hồng Nhung	02/02/2006	Kinh	Nữ	Thái Bình	Đoàn Kết	7.75	9.50	6.80	6.50	
65	0700065	Nguyễn Hồng Phương	10/06/2006	Kinh	Nữ	Thanh Hóa	Đoàn Kết	8.00	9.50	8.85	7.00	
66	0700066	Lò Nhật Quang	08/09/2006	Thái	Nam	Điện Biên	Đông Phong	4.75	6.00	3.60	2.25	
67	0700067	Nguyễn Minh Quang	31/05/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	6.50	9.50	7.70	6.00	
68	0700068	Phạm Minh Quang	05/06/2006	Tày	Nam	Lai Châu	Tân Phong	5.75	8.00	7.40	4.50	
69	0700069	Nguyễn Ngọc Tài	20/04/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	6.25	8.50	6.45	7.25	
70	0700070	Vũ Đăng Tài	04/05/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đông Phong	5.25	6.75	3.90	1.50	
71	0700071	Đỗ Quang Thành	10/03/2006	Kinh	Nam	Phú Thọ	Tân Phong	6.25	8.50	5.20	2.00	
72	0700072	Thái Đức Thành	10/01/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Nậm Tăm	5.75	9.25	9.05	6.00	
73	0700073	Lê Thị Thảo	16/08/2006	Kinh	Nữ	Nam Định	Tân Phong	6.75	9.25	4.90	5.50	
74	0700074	Triệu Phương Thảo	14/09/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	TT Phong Thổ	7.00	8.00	4.90	2.00	
75	0700075	Phạm Minh Thuận	28/05/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Tân Phong	7.50	9.50	9.55	7.00	
76	0700076	Đinh Thị Hoài Thương	02/04/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Tân Phong	7.75	10.00	8.45	7.25	
77	0700077	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	06/09/2006	Kinh	Nữ	Hưng Yên	TT Mường Tè	8.00	9.25	8.90	7.25	
78	0700078	Nguyễn Việt Tiến	07/08/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	5.50	9.00	1.30	4.25	
79	0700079	Hoàng Thị Kiều Trang	24/04/2006	Kinh	Nữ	Điện Biên	TT Tam Đường	6.75	9.50	8.15	6.75	
80	0700080	Ngô Thùy Trang	22/02/2006	Kinh	Nữ	Phú Thọ	Tân Phong	6.00	7.50	2.20	2.75	
81	0700081	Ngô Uyên Trang	11/06/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Đoàn Kết	5.75	8.75	4.50	3.00	
82	0700082	Vũ Thái Trình	22/10/2006	Kinh	Nam	Nam Định	Đoàn Kết	4.25	9.00	2.65	5.25	
83	0700083	Tạ Thành Trung	11/07/2006	Kinh	Nam	Hưng Yên	Ka Lăng	6.25	9.25	3.70	3.25	
84	0700084	Lê Trọng Tuấn	29/10/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	7.50	9.50	6.85	5.25	
85	0700085	Nguyễn Đặng Anh Tuấn	30/01/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	7.25	9.00	9.10	6.25	
86	0700086	Lò Bùi Việt Tùng	24/09/2006	Thái	Nam	Nam Định	Đông Phong	4.00	9.00	4.65	5.00	
87	0700087	Trần Công Vinh	08/11/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	7.25	9.00	6.55	4.25	
88	0700088	Hoàng Thị Như Ý	25/01/2006	Kinh	Nữ	Thanh Hóa	Hải Thanh	4.75	5.25	2.90	2.00	
89	0700089	Nguyễn Ngọc Tố An	20/09/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Quyết Thắng	7.00	8.00	5.65	6.00	
90	0700090	Nguyễn Chi Anh	23/10/2006	Kinh	Nữ	Vĩnh Phúc	Đoàn Kết	6.50	5.75	2.75	6.50	
91	0700091	Phương Quỳnh Anh	12/10/2006	Kinh	Nữ	Hà Tây	Đoàn Kết	6.50	4.75	3.40	4.75	
92	0700092	Vàng Ngọc Anh	26/08/2006	Xila	Nữ	Lạng Sơn	Đoàn Kết	6.50	7.75	5.50	6.50	
93	0700093	Lò Phương Anh	25/12/2006	Thái	Nữ	Sơn La	Đoàn Kết	6.00	6.50	3.85	8.25	
94	0700094	Lưu Nhật Ánh	29/01/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Quyết Thắng	6.25	7.25	4.85	6.00	
95	0700095	Nguyễn Kim Ánh	29/06/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Tân Phong	7.25	4.00	3.35	8.75	
96	0700096	Vũ Linh Chi	24/04/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	TT Mường Tè	7.00	5.75	2.70	4.25	

TT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Nơi sinh (Tỉnh)	Học sinh trường	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Chuyên	Ghi chú
97	0700097	Đoàn Trọng Chuẩn	25/08/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	3.50	1.00	1.60	3.00	
98	0700098	Hoàng Mai Dung	21/06/2006	Kinh	Nữ	Thái Bình	TT Phong Thổ	5.50	6.75	3.40	2.25	
99	0700099	Đặng Thảo Duyên	09/03/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Tân Phong	6.50	7.25	5.20	7.75	
100	0700100	Nguyễn Thị Kiều Giang	28/03/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Tân Phong	7.50	6.75	4.60	5.75	
101	0700101	Hoàng Thu Hiền	21/10/2006	Kinh	Nữ	Vĩnh Phúc	Tân Phong	6.75	8.00	5.75	6.25	
102	0700102	Nguyễn Thị Thu Hiền	16/01/2006	Kinh	Nữ	Vĩnh Phúc	Đoàn Kết	6.25	8.50	5.80	6.75	
103	0700103	Dương Diệu Hoa	06/10/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Đoàn Kết	6.00	6.00	2.40	4.75	
104	0700104	Ngô Quốc Hùng	06/10/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	6.00	4.00	2.85	5.00	
105	0700105	Sần Thị Quỳnh Hương	07/05/2006	Giấy	Nữ	Lai Châu	TT Tam Đường	7.50	6.75	3.80	7.25	
106	0700106	Đặng Khánh Huyền	19/01/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Đoàn Kết	6.50	7.50	3.35	6.50	
107	0700107	Đinh Thị Thu Huyền	16/09/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Tân Phong	6.75	6.25	4.10	6.00	
108	0700108	Ngô Hiếu Khánh	21/05/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Đoàn Kết	5.75	5.25	4.25	5.25	
109	0700109	Nguyễn Thị Mỹ Linh	16/05/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Đoàn Kết	6.75	6.50	6.25	7.00	
110	0700110	Huỳnh Khánh Linh	14/02/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Đoàn Kết	6.25	5.25	4.80	5.50	
111	0700111	Hà Diệu Linh	04/11/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Đoàn Kết	6.25	7.50	6.90	5.75	
112	0700112	Lương Hà Ngọc Linh	01/09/2006	Kinh	Nữ	Hà Nội	Đoàn Kết	6.00	5.75	2.25	4.50	
113	0700113	Vũ Hải Linh	28/03/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Đông Phong	5.50	2.75	2.05	5.25	
114	0700114	Lương Gia Linh	01/01/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Tân Phong	7.75	7.75	5.00	6.25	
115	0700115	Nguyễn Khánh Ly	19/06/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	TT Phong Thổ	7.00	7.00	5.80	5.50	
116	0700116	Mai Hạnh Ly	19/10/2006	Kinh	Nữ	Nam Định	Đoàn Kết	6.50	5.75	1.65	4.75	
117	0700117	Nguyễn Khánh Ly	09/01/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	TT Sìn Hồ	6.75	6.50	6.15	4.50	
118	0700118	Nguyễn Phương Mai	23/10/2006	Kinh	Nữ	Hà Tây	Đoàn Kết	5.50	4.50	3.65	4.25	
119	0700119	Nguyễn Triệu Huyền Mai	14/12/2006	Kinh	Nữ	Thái Nguyên	TT Phong Thổ	6.00	5.00	4.80	5.00	
120	0700120	Đoàn Thị Ánh Nga	05/12/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Tân Phong	6.25	5.50	3.65	5.25	
121	0700121	Phong Linh Nhi	17/01/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	Tân Phong	6.50	9.00	9.05	6.75	
122	0700122	Lò Hoàng Khánh Nhi	28/05/2006	Thái	Nữ	Điện Biên	Đoàn Kết	6.75	3.50	2.60	5.50	
123	0700123	Giang Yến Nhi	03/08/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Tân Phong	6.00	6.00	3.55	3.75	
124	0700124	Chu Thị Tuyết Nhung	06/06/2006	Kinh	Nữ	Vĩnh Phúc	Đoàn Kết	6.75	6.50	2.05	4.75	
125	0700125	Vũ Thị Hồng Phúc	18/18/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Tân Phong	5.75	5.25	4.75	5.75	
126	0700126	Nguyễn Hồng Phúc	09/10/2006	Kinh	Nữ	Hà Nội	Đoàn Kết	5.75	7.75	6.80	6.50	
127	0700127	Hồ Thị Như Quỳnh	25/12/2006	Kinh	Nữ	Nam Định	Đoàn Kết	6.50	4.00	3.50	5.75	
128	0700128	Hoàng Nguyễn Phương Thảo	15/10/2006	Kinh	Nữ	Phú Thọ	Tân Phong	6.00	8.00	6.80	5.50	
129	0700129	Hà Phương Thảo	23/05/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	Đoàn Kết	7.50	6.25	2.80	4.25	
130	0700130	Mai Thị Phương Thảo	02/07/2006	Kinh	Nữ	Điện Biên	Đoàn Kết	5.75	7.00	6.90	7.50	

TT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Nơi sinh (Tỉnh)	Học sinh trường	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Chuyên	Ghi chú
131	0700131	Vũ Thị Thơ	20/02/2006	Kinh	Nữ	Nam Định	Đoàn Kết	5.75	7.25	3.05	4.25	
132	0700132	Nguyễn Hà Thu	21/03/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Đoàn Kết	4.50	7.00	3.75	4.00	
133	0700133	Trang Nguyễn Mai Thư	27/12/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	Đoàn Kết	6.25	6.00	4.60	4.25	
134	0700134	Vũ Xuân Thức	10/03/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Quyết Thắng	5.00	7.25	3.65	3.50	
135	0700135	Trần Thị Hoàng Thương	09/06/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Tân Phong	5.00	5.50	3.85	6.25	
136	0700136	Nguyễn Phương Thủy	04/12/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Đoàn Kết	6.25	6.00	6.25	7.50	
137	0700137	Trương Quỳnh Trang	24/09/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Tân Phong	6.25	3.50	3.65	7.00	
138	0700138	Phạm Mai Huyền Trang	28/05/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Đoàn Kết	6.25	5.00	4.30	4.75	
139	0700139	Đặng Trần Ngọc Tú	04/07/2006	Kinh	Nữ	Hà Tây	Tân Phong	3.00	7.50	5.05	4.75	
140	0700140	Trịnh Minh Tùng	05/03/2006	Kinh	Nam	Vĩnh Phúc	Quyết Thắng	5.50	8.25	1.90	5.00	
141	0700141	Lý Kim Tuyến	03/09/2006	Hà Nhì	Nữ	Lai Châu	TT Mường Tè	6.00	5.75	6.45	6.25	
142	0700142	Tống Phương Uyên	08/04/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	Đoàn Kết	5.25	6.75	4.80	6.25	
143	0700143	Nguyễn Hà Vy	05/07/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Đoàn Kết	5.50	6.50	3.90	5.75	
144	0700144	Nguyễn Tú An	07/12/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	TT Sìn Hồ	7.00	9.00	8.65	6.80	
145	0700145	Mỏ Nguyệt Anh	14/09/2006	Giáy	Nữ	Lai Châu	Tân Phong	6.50	9.00	8.15	4.80	
146	0700146	Trần Châu Anh	15/07/2006	Kinh	Nữ	Nam Định	Đoàn Kết	5.75	8.50	9.80	9.20	
147	0700147	Phạm Bá Anh	06/10/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	San Thàng	3.25	7.25	9.05	5.50	
148	0700148	Nguyễn Trần Vân Anh	22/12/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Quyết Thắng	5.75	7.50	8.00	5.00	
149	0700149	Nguyễn Lê Đức Anh	01/01/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	TT Phong Thổ	5.00	4.75	6.00	2.40	
150	0700150	Phạm Minh Anh	02/08/2006	Kinh	Nữ	Điện Biên	Đoàn Kết	6.50	8.50	8.00	4.20	
151	0700151	Phan Ngọc Quốc Anh	25/02/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	4.00	8.00	4.90	1.80	
152	0700152	Vũ Thị Vân Anh	30/08/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	TT Phong Thổ	6.25	7.75	7.40	2.60	
153	0700153	Đinh Lan Anh	09/10/2006	Kinh	Nữ	Phú Thọ	Tân Phong	6.00	9.25	9.75	7.40	
154	0700154	Trần Hoài Anh	02/10/2006	Kinh	Nữ	Lào Cai	Tân Phong	6.00	9.00	7.30	6.20	
155	0700155	Phan Thùy Anh	10/01/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	Đoàn Kết	3.50	1.50	3.75	2.20	
156	0700156	Lê Trần Hùng Anh	08/01/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	1.75	4.25	4.65	2.40	
157	0700157	Đặng Nguyễn Hải Anh	05/01/2006	Kinh	Nữ	Quảng Ninh	Đoàn Kết	5.50	8.50	6.90	5.00	
158	0700158	Trần Đức Anh	23/09/2006	Kinh	Nam	Lào Cai	Nậm Tăm	4.75	7.25	8.70	4.80	
159	0700159	Trần Thị Thanh Bình	08/11/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Đoàn Kết	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
160	0700160	Vũ Kiều Ngọc Châu	28/05/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Đoàn Kết	5.50	7.25	5.75	2.20	
161	0700161	Nguyễn Minh Châu	22/06/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	TT Phong Thổ	6.50	8.75	8.25	7.20	
162	0700162	Nguyễn Hà Minh Châu	03/10/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Đoàn Kết	3.00	8.00	3.55	2.20	
163	0700163	Nguyễn Thành Công	18/03/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	5.25	7.50	9.05	7.00	
164	0700164	Đặng Hoàng Cường	24/04/2006	Kinh	Nam	Lào Cai	Đông Phong	4.25	6.75	5.40	2.00	

TT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Nơi sinh (Tỉnh)	Học sinh trường	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Chuyên	Ghi chú
165	0700165	Trịnh Minh Đại	22/01/2006	Kinh	Nam	Điện Biên	Đoàn Kết	6.00	7.25	9.10	8.40	
166	0700166	Nguyễn Minh Đăng	10/07/2006	Kinh	Nam	Điện Biên	TT Phong Thổ	7.50	8.50	9.35	7.40	
167	0700167	Vàng Thị Huyền Diễm	14/01/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	Bình Lư	4.75	7.25	8.90	6.60	
168	0700168	Đàm Vũ Dũng	16/05/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	5.00	8.50	7.95	7.80	
169	0700169	Nguyễn Tiến Dũng	16/12/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	3.50	3.50	6.30	3.80	
170	0700170	Vũ Đình Duy	03/10/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	6.00	7.50	9.25	8.40	
171	0700171	Nguyễn Hương Giang	14/12/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	Tân Phong	5.25	8.50	7.65	7.40	
172	0700172	Lương Trường Giang	21/02/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	6.00	5.75	8.00	5.40	
173	0700173	Nguyễn Châu Giang	27/05/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Tân Phong	7.25	7.50	8.95	6.80	
174	0700174	Cù Thị Hương Giang	14/10/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Đoàn Kết	5.00	4.00	8.00	4.00	
175	0700175	Trương Nguyệt Hà	07/04/2006	Kinh	Nữ	Hải Dương	Tân Phong	5.25	6.50	8.15	2.00	
176	0700176	Nguyễn Hoàng Hải	29/11/2006	Kinh	Nam	Phú Thọ	Noong Hẻo	5.25	8.00	8.40	5.80	
177	0700177	Nguyễn Thị Thu Hằng	02/08/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Tân Phong	6.00	6.00	7.70	4.00	
178	0700178	Lê Thu Hiền	03/10/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Đoàn Kết	5.25	8.25	7.95	4.70	
179	0700179	Phạm Nguyễn Tuấn Hiệp	04/11/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	5.50	8.50	7.85	4.40	
180	0700180	Nguyễn Đặng Việt Hoàng	21/04/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	5.00	7.00	8.35	4.10	
181	0700181	Nguyễn Việt Hoàng	13/10/2006	Kinh	Nam	Thái Bình	Đoàn Kết	5.00	8.75	5.95	3.50	
182	0700182	Trương Hải Huệ	25/05/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Đoàn Kết	5.75	8.75	9.15	5.10	
183	0700183	Phạm Quốc Hưng	17/04/2006	Kinh	Nam	Điện Biên	Đoàn Kết	5.50	9.00	9.00	8.20	
184	0700184	Đào Ngọc Huyền	07/09/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	Đông Phong	5.00	5.75	7.75	5.40	
185	0700185	Đặng Khánh Huyền	01/11/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Đoàn Kết	7.50	8.00	8.90	4.60	
186	0700186	Vũ Quốc Khánh	25/12/2006	Kinh	Nam	Nam Định	Đông Phong	5.75	9.00	8.25	5.60	
187	0700187	Hoàng Thị Phương Linh	02/10/2006	Kinh	Nữ	Thanh Hóa	Đông Phong	4.50	7.25	6.60	3.30	
188	0700188	Nguyễn Ngọc Linh	05/12/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Tân Phong	7.00	9.00	8.85	5.80	
189	0700189	Bùi Ngọc Linh	01/04/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	TT Sìn Hồ	7.00	7.75	10.00	7.60	
190	0700190	Nguyễn Quang Long	30/11/2006	Kinh	Nam	Lào Cai	Tân Phong	4.75	8.50	6.70	4.00	
191	0700191	Nguyễn Thảo Ly	11/02/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Đoàn Kết	6.00	8.50	8.80	4.00	
192	0700192	Vũ Ngọc Hương Ly	11/06/2006	Kinh	Nữ	Nam Định	Đoàn Kết	6.50	8.75	7.70	4.80	
193	0700193	Nguyễn Vân Ly	23/09/2006	Kinh	Nữ	Điện Biên	Đoàn Kết	8.25	7.75	9.05	8.40	
194	0700194	Nguyễn Đức Mạnh	18/08/2005	Kinh	Nam	Lai Châu	TT Nậm Nhùn	5.50	8.25	9.15	6.80	
195	0700195	Hoàng Hải Nam	26/08/2006	Kinh	Nam	Hưng Yên	Đông Phong	3.25	5.50	5.20	2.20	
196	0700196	Trần Bảo Ngân	10/08/2006	Kinh	Nữ	Hà Nội	Tân Phong	8.00	8.50	10.00	8.10	
197	0700197	Trần Trung Nghĩa	09/01/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Quyết Thắng	4.75	8.00	9.15	5.40	
198	0700198	Bùi Thị Hồng Ngọc	07/02/2006	Kinh	Nữ	Vĩnh Phúc	Quyết Thắng	5.00	5.00	6.45	2.40	

TT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Nơi sinh (Tỉnh)	Học sinh trường	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Chuyên	Ghi chú
199	0700199	Nguyễn Trương Khánh Ngọc	21/02/2006	Kinh	Nữ	Hà Nội	San Thàng	7.00	7.50	9.75	6.70	
200	0700200	Quàng Vũ Hạnh Nguyên	10/05/2006	Thái	Nữ	Điện Biên	Đoàn Kết	7.25	9.00	9.40	6.30	
201	0700201	Đỗ Hoàng Nguyệt	11/07/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Đoàn Kết	7.50	9.25	10.00	6.40	
202	0700202	Nguyễn Hoàng Yến Nhi	20/03/2006	Nùng	Nữ	Lào Cai	Quyết Thắng	6.25	6.25	6.30	7.20	
203	0700203	Nguyễn Tuyết Nhung	15/03/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	TT Sìn Hồ	5.50	8.00	6.50	3.40	
204	0700204	Phạm Bảo Phúc	12/04/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	3.75	6.25	6.55	8.00	
205	0700205	Trần Thị Lưu Phương	21/08/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Đoàn Kết	6.50	9.00	8.45	5.00	
206	0700206	Nguyễn Lệ Quyên	06/12/206	Kinh	Nữ	Lai Châu	Đoàn Kết	5.00	6.00	4.40	4.20	
207	0700207	Ngô Ngọc Sang	08/03/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	3.75	6.25	7.05	2.00	
208	0700208	Nguyễn Thái Sơn	02/09/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	6.00	7.50	8.00	6.00	
209	0700209	Phạm Công Sơn	26/01/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	4.00	9.00	6.35	2.80	
210	0700210	Nguyễn Ngọc Sơn	02/08/2006	Kinh	Nam	Thái Bình	TT Sìn Hồ	4.25	8.50	9.30	5.10	
211	0700211	Nguyễn Văn Tâm	04/07/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	San Thàng	4.50	7.50	8.30	6.40	
212	0700212	Nguyễn Hồng Thái	07/11/2006	Kinh	Nam	Điện Biên	TT Phong Thổ	4.00	6.25	4.85	2.60	
213	0700213	Nguyễn Xuân Thành	26/04/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	San Thàng	4.25	9.00	9.75	7.00	
214	0700214	Đinh Phương Thảo	03/04/2006	Tày	Nữ	Lai Châu	Đoàn Kết	5.50	9.00	9.30	7.00	
215	0700215	Tô Quang Thịnh	28/07/2006	Kinh	Nam	Vĩnh Phúc	TT Phong Thổ	5.75	8.00	9.80	7.80	
216	0700216	Nguyễn Phương Thùy	12/11/2006	Kinh	Nữ	Phú Thọ	Đoàn Kết	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
217	0700217	Ngô Hương Trà	08/03/2006	Kinh	Nữ	Điện Biên	Đoàn Kết	7.00	9.25	9.80	8.40	
218	0700218	Phạm Hà Trang	15/09/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Quyết Thắng	6.50	9.00	9.60	5.80	
219	0700219	Trần Thị Huyền Trang	08/04/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Đoàn Kết	2.50	8.75	6.60	3.00	
220	0700220	Hoàng Thu Trang	30/05/2006	Kinh	Nữ	Hòa Bình	Đoàn Kết	5.50	5.75	9.60	5.20	
221	0700221	Nguyễn Thị Huyền Trang	12/10/2006	Kinh	Nữ	Đồng Nai	Đoàn Kết	4.00	8.00	6.15	3.00	
222	0700222	Hán Quang Trung	23/02/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	4.25	9.00	8.25	3.90	
223	0700223	Nguyễn Xuân Tuấn	17/12/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	2.25	1.50	4.05	3.00	
224	0700224	Phạm Quốc Anh	16/08/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	3.00	8.25	3.30	2.00	
225	0700225	Đỗ Hải Anh	13/11/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	Đoàn Kết	2.25	7.25	4.35	3.00	
226	0700226	Nguyễn Đức Anh	18/11/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	2.50	7.75	4.20	3.50	
227	0700227	Nguyễn Thị Lan Anh	18/06/2006	Kinh	Nữ	Nam Định	Đoàn Kết	2.50	6.75	1.95	2.25	
228	0700228	Đặng Thế Anh	06/06/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	1.00	5.75	2.90	1.75	
229	0700229	Hoàng Ngọc Thái Bảo	06/05/2006	Kinh	Nam	Đồng Nai	San Thàng	4.50	6.75	5.30	7.25	
230	0700230	Hoàng Gia Bảo	04/09/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	2.50	7.25	5.00	2.50	
231	0700231	Đặng Ngọc Gia Bảo	25/10/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Tân Phong	4.50	6.75	3.60	2.25	
232	0700232	Bùi Yến Chi	04/12/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	TT Nậm Nhùn	6.00	8.00	5.55	8.25	

TT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Nơi sinh (Tỉnh)	Học sinh trường	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Chuyên	Ghi chú
233	0700233	Vùi Thị Chi	09/04/2006	Giấy	Nữ	Lai Châu	San Thàng	2.75	4.00	2.65	0.75	
234	0700234	Hoàng Văn Cường	24/01/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	2.50	8.75	6.65	3.75	
235	0700235	Hồ Đăng Cường	15/10/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	1.75	3.25	3.40	7.00	
236	0700236	Trần Đăng Đạt	03/02/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	5.50	7.75	5.55	6.75	
237	0700237	Doanh Thành Đạt	28/07/2006	Tày	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	1.25	5.75	1.60	1.00	
238	0700238	Bùi Mạnh Đức	26/08/2006	Thái	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	3.50	7.25	6.40	7.75	
239	0700239	Nguyễn Tài Minh Đức	06/03/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	2.00	4.00	1.35	3.50	
240	0700240	Vũ Minh Duy	15/09/2006	Kinh	Nam	Bắc Ninh	Đoàn Kết	5.00	8.00	4.65	9.00	
241	0700241	Nguyễn Trần Phương Duyên	15/07/2006	Kinh	Nữ	Bình Dương	Tân Phong	4.75	6.75	3.70	2.25	
242	0700242	Đỗ Thu Hà	23/08/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Tân Phong	5.25	8.25	4.55	2.25	
243	0700243	Văn Thị Thu Hà	12/10/2006	Kinh	Nữ	Phú Thọ	Đoàn Kết	3.25	7.50	3.35	1.75	
244	0700244	Vũ Thu Hiền	25/07/2006	Kinh	Nữ	Phú Thọ	Đông Phong	6.25	7.75	4.60	3.25	
245	0700245	Nguyễn Trung Hiếu	23/12/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	5.25	6.75	4.85	4.25	
246	0700246	Lê Minh Hoàn	25/08/2006	Kinh	Nam	Hưng Yên	Đoàn Kết	4.25	7.00	6.55	6.50	
247	0700247	Vũ Quốc Hoàng	08/07/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Xã Nậm Tăm	3.00	8.50	4.80	9.00	
248	0700248	Nguyễn Thái Hoàng	02/10/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	4.50	8.75	2.45	4.00	
249	0700249	Vũ Văn Hoàng	08/11/2006	Kinh	Nam	Bắc Giang	Đông Phong	4.75	6.25	5.95	4.00	
250	0700250	Đèo Nguyễn Thế Hùng	25/05/2006	Thái	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	7.00	8.00	6.60	8.75	
251	0700251	Đỗ Gia Hưng	06/05/2006	Kinh	Nam	Điện Biên	Tân Phong	5.50	9.00	6.10	7.00	
252	0700252	Nguyễn Thị Lan Hương	29/09/2006	Kinh	Nữ	Phú Thọ	TT Nậm Nhùn	5.25	7.75	4.10	7.50	
253	0700253	Nguyễn Thu Huyền	22/09/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Đoàn Kết	5.00	7.75	5.05	6.00	
254	0700254	Trần Vân Khánh	02/09/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Tân Phong	4.75	7.00	4.40	2.00	
255	0700255	Bùi Anh Khoa	14/10/2006	Kinh	Nam	Điện Biên	Tân Phong	4.00	9.00	3.95	4.00	
256	0700256	Phạm Gia Lâm	13/07/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Quyết Thắng	3.75	6.50	0.50	0.25	
257	0700257	Nguyễn Hải Lệ	19/02/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Mường So	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
258	0700258	Dương Quang Liêm	14/06/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đông Phong	5.50	8.00	5.85	9.00	
259	0700259	Trần Phương Linh	25/01/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Đoàn Kết	5.50	8.25	6.05	4.75	
260	0700260	Nguyễn Bảo Linh	23/08/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Đoàn Kết	7.00	7.25	3.50	4.25	
261	0700261	Trần Lê Khánh Linh	15/02/2006	Kinh	Nữ	Điện Biên	Tân Phong	6.00	6.50	5.40	4.75	
262	0700262	Hồ Vũ Khánh Linh	10/12/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Tân Phong	5.50	7.00	5.75	1.75	
263	0700263	Trần Quỳnh Mai	09/10/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Đoàn Kết	6.25	9.00	5.90	2.25	
264	0700264	Trần Thế Mạnh	24/08/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Tân Phong	6.00	9.25	3.50	10.00	
265	0700265	Dương Tuấn Minh	07/12/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	5.00	8.25	6.85	8.00	
266	0700266	Lê Hoàng Minh	14/12/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	6.75	8.75	6.60	9.00	

TT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Nơi sinh (Tỉnh)	Học sinh trường	Điểm				Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Chuyên	
267	0700267	Trần Quang Minh	18/10/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	5.00	8.00	4.60	4.00	
268	0700268	Phạm Hoài Nam	02/01/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	5.25	8.50	5.35	9.75	
269	0700269	Đặng Hồng Nam	21/02/2006	Nùng	Nam	Lai Châu	Đông Phong	4.50	7.50	4.20	6.25	
270	0700270	Nguyễn Hoàng Nam	13/12/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	4.75	7.50	4.85	3.50	
271	0700271	Nguyễn Thị Hằng Ngân	14/12/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	TT Tam Đường	4.25	7.00	5.70	9.00	
272	0700272	Đào Lê Yến Nhi	19/02/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	TT Phong Thổ	5.75	5.75	3.25	2.50	
273	0700273	Nguyễn Trang Nhung	08/08/2005	Kinh	Nữ	Lai Châu	Tân Phong	7.00	9.00	8.40	9.75	
274	0700274	Nguyễn Hồng Phúc	02/12/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	5.75	9.25	7.95	9.75	
275	0700275	Trịnh Minh Phương	17/02/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Tân Phong	7.00	9.00	8.45	10.00	
276	0700276	Nguyễn Hoài Phương	20/06/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Đoàn Kết	6.00	8.50	4.05	1.75	
277	0700277	Bùi Thu Phương	10/12/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Trần Huy Liệu	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
278	0700278	Nguyễn Hà Đình Quân	04/06/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	3.50	4.75	1.85	1.00	
279	0700279	Phạm Thanh Quyền	05/02/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Tân Phong	4.25	7.50	2.25	1.75	
280	0700280	Phạm Thúy Quỳnh	14/032006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Tân Phong	5.75	8.75	6.50	8.25	
281	0700281	Nguyễn Thị Như Quỳnh	02/09/2006	Kinh	Nữ	Vĩnh Phúc	Đoàn Kết	6.25	8.25	7.00	6.75	
282	0700282	Khổng Nhật Sơn	18/01/2006	Kinh	Nam	Phú Thọ	Đoàn Kết	6.25	8.50	6.00	5.25	
283	0700283	Nguyễn Thị Minh Tâm	30/06/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Đoàn Kết	7.00	9.00	6.90	8.00	
284	0700284	Vũ Đức Thành	12/01/2006	Kinh	Nam	Lào Cai	San Thàng	6.25	9.00	9.05	10.00	
285	0700285	Trần Tiến Thành	15/10/2006	Kinh	Nam	Hà Nam	Đoàn Kết	4.75	7.75	3.65	4.00	
286	0700286	Phan Thị Minh Thùy	26/07/2006	Kinh	Nữ	Hà Nội	Đoàn Kết	6.25	8.50	5.00	4.50	
287	0700287	Trần Công Toàn	23/09/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	6.00	8.75	6.70	1.50	
288	0700288	Lê Huyền Trang	06/10/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Tân Phong	5.00	7.50	5.40	3.50	
289	0700289	Phạm Hoàng Thu Trang	09/04/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Nậm Tăm	5.00	6.25	2.20	1.75	
290	0700290	Nguyễn Quang Trường	04/12/2006	Kinh	Nam	TP Hồ Chí Minh	Đoàn Kết	5.50	7.50	4.60	2.75	
291	0700291	Mai Đức Tuấn	22/102006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	6.25	9.00	8.15	7.00	
292	0700292	Nguyễn Ngọc Tuệ	17/10/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Bản Giang	5.50	7.50	3.05	1.00	
293	0700293	Nguyễn Thị Tú Uyên	04/03/2006	Kinh	Nữ	Thái Bình	Đông Phong	5.75	8.50	5.75	9.00	
294	0700294	Lê Thu Uyên	11/07/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Đoàn Kết	4.50	6.75	2.25	1.00	
295	0700295	Lê Trần Khánh Vân	08/06/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Đoàn Kết	7.00	8.25	7.40	6.50	
296	0700296	Nguyễn Quốc Việt	17/05/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	3.50	7.25	3.25	8.75	
297	0700297	Nguyễn Thành Vinh	14/10/2006	Kinh	Nam	Thanh Hóa	Đông Phong	6.00	8.25	3.40	3.50	
298	0700298	Lê Công Vinh	23/05/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	4.50	5.50	4.00	2.50	
299	0700299	Vũ Hồng Vinh	20/02/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Tân Phong	6.00	9.00	8.60	5.50	
300	0700300	Phạm Hải Vy	14/10/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Đoàn Kết	5.00	8.00	4.45	3.25	

TT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Nơi sinh (Tỉnh)	Học sinh trường	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Chuyên	Ghi chú
301	0700301	Nguyễn Thị Hải Yến	16/04/2006	Kinh	Nữ	Phú Thọ	Đoàn Kết	7.00	7.50	3.90	1.75	
302	0700302	Chu Văn An	12/08/2006	Kinh	Nam	Vĩnh Phúc	Tân Phong	4.50	7.25	1.35	3.25	
303	0700303	Nguyễn Minh Ánh	16/08/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Đoàn Kết	5.75	6.50	6.05	3.00	
304	0700304	Ngô Sỹ Bình	19/05/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	6.75	7.25	9.80	6.50	
305	0700305	Vũ Diệu Châu	29/11/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Đoàn Kết	6.50	8.50	4.70	9.25	
306	0700306	Bùi Minh Châu	22/09/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Đoàn Kết	5.00	8.25	4.80	6.75	
307	0700307	Nguyễn Duy Chiến	01/11/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	TT Mường Tè	5.25	6.00	2.55	0.50	
308	0700308	Nguyễn Ngọc Cương	18/11/2006	Kinh	Nam	Lào Cai	Tân Phong	6.00	8.75	8.35	6.25	
309	0700309	Bùi Ngọc Doanh	18/07/2006	Kinh	Nam	Phú Thọ	Tân Phong	6.25	6.25	4.15	4.50	
310	0700310	Nguyễn Anh Đức	06/07/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Tân Phong	7.25	9.00	5.05	7.00	
311	0700311	Nguyễn Trung Đức	09/04/2006	Kinh	Nam	Điện Biên	Tân Phong	4.50	9.00	5.50	7.50	
312	0700312	Phạm Thùy Dung	19/01/2006	Kinh	Nữ	Hà Tây	Quyết Thắng	8.00	7.25	8.20	4.50	
313	0700313	Đinh Thị Thùy Dung	21/11/2006	Tày	Nữ	Lai Châu	TT Than Uyên	4.75	9.00	7.05	8.75	
314	0700314	Hoàng Thùy Dương	18/09/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	TT Tam Đường	7.25	9.00	5.00	7.00	
315	0700315	Đỗ Ngọc Mỹ Duyên	03/07/2006	Kinh	Nữ	Vĩnh Phúc	Đoàn Kết	5.50	6.75	3.40	4.50	
316	0700316	Phạm Bằng Giang	12/10/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	An Dục	7.25	8.25	6.35	4.25	
317	0700317	Phạm Hương Giang	12/06/2006	Kinh	Nữ	Điện Biên	Đoàn Kết	5.00	8.75	7.85	9.00	
318	0700318	Đỗ Thu Hằng	04/09/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Đoàn Kết	6.50	8.00	3.95	7.00	
319	0700319	Đặng Hồng Hạnh	09/09/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Đoàn Kết	5.50	7.25	5.05	5.00	
320	0700320	Hồ Xuân Hiếu	22/07/2006	Kinh	Nam	Yên Bái	Tân Phong	4.25	7.50	6.50	5.25	
321	0700321	Vũ Trần Hiếu	27/10/2006	Kinh	Nam	Điện Biên	Đoàn Kết	3.75	9.00	8.65	7.50	
322	0700322	Nguyễn Việt Hòa	01/12/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	TT Phong Thổ	6.75	9.25	9.35	9.75	
323	0700323	Vũ Mạnh Hùng	21/12/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Tân Phong	4.50	8.50	5.80	5.00	
324	0700324	Đinh Đức Hưng	09/03/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	5.25	8.50	8.55	6.50	
325	0700325	Nguyễn Như Huyền	10/12/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Đoàn Kết	6.75	7.50	8.10	6.50	
326	0700326	Tạ Duy Khiêm	19/07/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Tân Phong	4.75	8.25	6.05	5.50	
327	0700327	Trần Đặng Kha	02/05/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	TT Phong Thổ	4.75	8.50	5.50	5.25	
328	0700328	Phạm Quốc Kiên	03/12/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Quyết Thắng	3.75	7.00	3.25	2.50	
329	0700329	Nguyễn Khánh Linh	18/12/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Tân Phong	5.25	9.00	3.55	2.00	
330	0700330	Mai Phương Linh	08/08/2006	Kinh	Nữ	Yên Bái	Đông Phong	4.00	5.75	3.30	1.75	
331	0700331	Tạ Phương Linh	28/03/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	TT Tân Uyên	5.75	6.00	1.60	1.00	
332	0700332	Hoàng Hải Linh	12/04/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Đoàn Kết	6.25	7.75	7.00	6.00	
333	0700333	Nguyễn Thái Minh	02/04/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	6.75	8.50	8.65	7.75	
334	0700334	Mai Văn Minh	27/11/2006	Kinh	Nam	Thanh Hóa	Quyết Thắng	4.50	7.50	2.90	3.00	

TT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Nơi sinh (Tỉnh)	Học sinh trường	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Chuyên	Ghi chú
335	0700335	Nguyễn Hải Nam	10/01/2006	Kinh	Nam	Điện Biên	TT Tân Uyên	6.00	8.00	5.45	8.50	
336	0700336	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	16/10/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Tân Phong	6.75	9.00	7.05	9.00	
337	0700337	Phạm Trình Nguyên	29/12/2006	Kinh	Nam	Hà Nội	Bản Bo	6.00	7.00	4.70	2.50	
338	0700338	Đỗ Đức Nhật	01/11/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Tân Phong	4.50	9.50	6.95	9.50	
339	0700339	Phạm Hà Phương	25/01/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Đông Phong	5.00	7.00	4.00	3.00	
340	0700340	Bùi Bích Phương	09/03/2006	Kinh	Nữ	Lào Cai	Tân Phong	6.50	9.00	8.40	5.25	
341	0700341	Trần Minh Quân	21/06/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	5.75	8.75	6.55	7.00	
342	0700342	Đàm Minh Quang	01/09/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	5.25	8.50	6.75	7.25	
343	0700343	Lữ Thế Quý	16/08/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	4.00	7.25	3.10	5.75	
344	0700344	Nguyễn Như Quỳnh	16/11/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Đoàn Kết	6.00	7.25	6.65	7.25	
345	0700345	Vũ Nguyễn Hoài Sơn	26/08/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Tân Phong	4.50	7.50	2.45	3.00	
346	0700346	Tạ Minh Thái	01/12/2006	Kinh	Nam	Hà Tây	Đoàn Kết	5.00	8.50	3.60	4.25	
347	0700347	Nguyễn Tiến Thành	29/07/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đông Phong	7.00	6.50	4.55	3.50	
348	0700348	Phạm Xuân Thi	14/04/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	San Thàng	7.25	9.00	8.95	6.75	
349	0700349	Phạm Thị Thu Thủy	03/12/2006	Kinh	Nữ	Thái Bình	Đoàn Kết	5.75	7.50	5.65	4.25	
350	0700350	Hoàng Hữu Toàn	08/11/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	5.25	6.00	3.40	4.25	
351	0700351	Ngô Thế Toàn	23/11/2006	Kinh	Nam	Lai Châu	Đoàn Kết	4.25	6.00	3.95	8.25	
352	0700352	Nguyễn Thị Thùy Trang	24/07/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Tân Phong	4.25	5.25	0.90	1.25	
353	0700353	Nguyễn Thị Như Trang	02/09/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	San Thàng	7.25	9.00	8.45	8.50	
354	0700354	Vũ Huyền Trang	03/11/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	TT Tân Uyên	7.00	9.00	6.40	8.00	
355	0700355	Khoàng Thu Trang	02/07/2006	Thái	Nữ	Phú Thọ	Tân Phong	6.75	6.75	3.45	5.50	
356	0700356	Đào Văn Tùng	24/08/2006	Kinh	Nam	Điện Biên	Tân Phong	4.75	9.00	5.30	8.00	
357	0700357	Nguyễn Thị Hải Yến	30/05/2006	Kinh	Nữ	Lai Châu	Bản Bo	4.00	3.25	2.55	1.00	
358	0700358	Tẩn Thị An	09/04/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	THCS Pa Khóa	4.00	6.00	1.25		
359	0700359	Hoàng Quỳnh Anh	29/09/2006	Giấy	Nữ	Lai Châu	THCS San Thàng	5.25	1.75	2.70		
360	0700360	Cao Thùy Anh	09/03/2006	Hoa	Nữ	Điện Biên	PTDTBT THCS Làn Nhì Thàng	5.25	8.50	4.30		
361	0700361	Lò Diệu Anh	25/10/2006	Giáy	Nữ	Lai Châu	THCS San Thàng	6.00	8.25	5.60		
362	0700362	Giàng Hồng Anh	26/06/2006	Hmông	Nam	Lai Châu	THCS Quyết Thắng	2.75	5.00	1.75		
363	0700363	Lò Nhật Ánh	29/11/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	THCS Tân Phong	6.50	8.00	9.80		
364	0700364	Lò Thị Ba	22/09/2006	Giáy	Nữ	Lai Châu	THCS Thèn Sin	4.50	4.50	3.75		
365	0700365	Vàng Văn Bảo	15/05/2006	Thái	Nam	Lai Châu	THCS Thèn Sin	1.50	3.75	2.30		
366	0700366	Lò Văn Bảo	12/10/2006	Thái	Nam	Lai Châu	THCS Noong Hẻo	4.75	2.00	1.75		
367	0700367	Giàng A Bình	05/09/2006	Mông	Nam	Lai Châu	THCS Tà Lèng	2.00	2.75	1.85		
368	0700368	Giàng Thị Ca	02/11/2006	H'Mông	Nữ	Lai Châu	THCS Tà Lèng	2.25	2.25	1.20		

TT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Nơi sinh (Tỉnh)	Học sinh trường	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Chuyên	Ghi chú
369	0700369	Thào Thị Cam	03/08/2006	Mông	Nữ	Lai Châu	THCS Tà Lèng	1.75	3.50	2.60		
370	0700370	Hảng A Cáng	22/11/2006	Mông	Nam	Lai Châu	THCS Nùng Nàng	3.00	6.25	1.75		
371	0700371	Giàng Thị Chang	20/07/2006	Mông	Nữ	Lai Châu	THCS Tà Lèng	2.75	2.25	2.95		
372	0700372	Lý Mai Chang	05/08/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	THCS Căn Co	3.25	2.25	2.75		
373	0700373	Vàng Thị Quỳnh Châu	05/09/2006	Giáy	Nữ	Lai Châu	THCS Quyết Thắng	5.25	5.50	4.20		
374	0700374	Sùng A Chẹ	24/06/2006	Mông	Nam	Lai Châu	THCS Sùng Phài	4.50	6.75	3.20		
375	0700375	Vàng Thị Chi	09/08/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	THCS Thèn Sin	2.00	5.75	3.05		
376	0700376	Sùng A Chiếu	19/01/2006	Mông	Nam	Lai Châu	THCS Nùng Nàng	0.50	2.50	1.65		
377	0700377	Thào Thị Hồng Chiều	23/12/2006	Pú nả	Nữ	Lai Châu	THCS San Thàng	6.00	8.25	3.65		
378	0700378	Vùi Thị Chiều	25/01/2006	Giáy	Nữ	Lai Châu	THCS San Thàng	4.50	5.50	3.10		
379	0700379	Vàng A Chinh	04/10/2006	Mông	Nam	Lai Châu	THCS Sin Suối Hồ	4.00	5.75	1.25		
380	0700380	Lò Văn Chinh	27/03/2006	Giáy	Nam	Lai Châu	THCS Thèn Sin	4.25	3.50	2.95		
381	0700381	Giàng A Chứ	08/10/2006	Mông	Nam	Lai Châu	THCS Pu Sam Cáp	3.00	4.00	2.75		
382	0700382	Giàng A Cử	12/01/2005	Mông	Nam	Lai Châu	THCS Pu Sam Cáp	1.50	2.50	1.90		
383	0700383	Thào A Cự	20/11/2006	Mông	Nam	Lai Châu	THCS Pu Sam Cáp	4.25	2.00	0.65		
384	0700384	Vàng A Cường	18/04/2006	Hmông	Nam	Lai Châu	THCS Tân Phong	2.25	6.75	0.65		
385	0700385	Lý Mạnh Cường	07/01/2006	Hmông	Nam	Lai Châu	THCS Nùng Nàng	3.75	3.75	2.70		
386	0700386	Hảng A Cường	14/06/2006	Hmông	Nam	Lai Châu	THCS Tà Lèng	2.00	4.00	3.20		
387	0700387	Tẩn Phú Cường	10/06/2006	Dao	Nam	Lai Châu	THCS Tà Lèng	2.25	3.25	1.80		
388	0700388	Lù Văn Đại	28/02/2006	Giáy	Nam	Lai Châu	THCS Thèn Sin	4.50	5.25	3.20		
389	0700389	Lò Văn Đan	14/10/2005	Thái	Nam	Lai Châu	THCS Noong Hẻo	2.75	3.75	1.60		
390	0700390	Vầy Thị Dang	03/07/2006	Giáy	Nữ	Lai Châu	THCS Bản Giang	1.50	4.75	2.40		
391	0700391	Lù Thị Đào	07/06/2006	Giáy	Nữ	Lai Châu	THCS Đông Phong	5.50	6.50	3.45		
392	0700392	Lò Thành Đạt	21/04/2006	Thái	Nam	Lai Châu	THCS Pa Khóa	3.75	3.00	1.05		
393	0700393	Tẩn Thị Dậu	07/01/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	THCS Nậm Cha	4.25	0.75	2.80		
394	0700394	Hầu A Đề	07/12/2006	Hmông	Nam	Lai Châu	THCS Pu Sam Cáp	3.75	3.25	1.80		
395	0700395	Vàng Thị Dinh	12/10/2006	Mông	Nữ	Lai Châu	THCS Tà Lèng	1.00	2.50	1.60		
396	0700396	Vùi Văn Định	05/01/2006	Giáy	Nam	Lai Châu	THCS Quyết Thắng	4.50	8.00	2.50		
397	0700397	Phàn Văn Đông	28/11/2005	Dao	Nam	Lai Châu	THCS Tà Lèng	2.00	1.75	2.55		
398	0700398	Hoàng Xuân Dư	09/05/2006	Giáy	Nữ	Lai Châu	THCS San Thàng	4.00	7.00	2.35		
399	0700399	Ma Thị Dua	09/06/2006	Hmông	Nữ	Lai Châu	THCS Nùng Nàng	3.50	2.75	3.00		
400	0700400	Vàng A Dua	15/05/2006	Hmông	Nam	Lai Châu	THCS Tà Lèng	2.75	1.75	3.05		
401	0700401	Lý Thị Dua	03/08/2006	Mông	Nữ	Lai Châu	THCS Tà Lèng	3.00	6.50	3.30		
402	0700402	Giàng Thị Dủa	08/12/2006	Mông	Nữ	Lai Châu	THCS Tà Lèng	2.50	3.50	1.45		

TT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Nơi sinh (Tỉnh)	Học sinh trường	Điểm				Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Chuyên	
403	0700403	Giàng A Dung	10/03/2006	Hmông	Nam	Lai Châu	THCS Tà Lèng	1.75	3.00	0.75		
404	0700404	Giàng Thị Dung	07/01/2006	Mông	Nữ	Lai Châu	THCS Tà Lèng	2.25	3.25	2.55		
405	0700405	Vàng Lê Dũng	09/08/2006	Giáy	Nam	Lai Châu	THCS Bản Giang	3.50	6.75	2.85		
406	0700406	Chang A Dũng	02/03/2006	Hmông	Nam	Lai Châu	THCS Sùng Phài	4.00	7.00	4.55		
407	0700407	Tẩn Mạnh Dũng	10/06/2006	Dao	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Nậm Cha	4.00	5.25	5.10		
408	0700408	Chang Thị E	20/10/2006	Mông	Nữ	Lai Châu	THCS Pu Sam Cáp	4.00	3.25	1.35		
409	0700409	Lò Thị Hà	05/06/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	THCS Noong Hẻo	3.00	4.25	3.50		
410	0700410	Lò Thị Hằng	06/03/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	THCS Noong Hẻo	4.50	5.25	4.50		
411	0700411	Quàng Thị Hảo	14/02/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	THCS Noong Hẻo	2.75	4.25	2.65		
412	0700412	Đèo Văn Hạo	01/07/2006	Thái	Nam	Lai Châu	THCS Thèn Sin	2.25	4.50	3.15		
413	0700413	Chẻo Nải Heng	27/02/2006	Dao	Nam	Lai Châu	THCS Sùng Phài	2.00	6.25	4.20		
414	0700414	Lò Thị Hiền	10/02/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	THCS Pa Khóa	5.50	3.75	2.25		
415	0700415	Lù Thị Thu Hiền	26/08/2006	Cù Chu	Nữ	Lai Châu	THCS San Thàng	7.00	7.75	4.90		
416	0700416	Lường Thị Hiền	18/10/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	THCS Noong Hẻo	4.25	4.50	3.80		
417	0700417	Lý Dình Hiệp	27/02/2006	Dao	Nam	Lai Châu	THCS Quyết Thắng	4.00	9.00	4.85		
418	0700418	Vầy Mạnh Hiếu	13/09/2006	Giáy	Nam	Lai Châu	THCS Bản Giang	5.00	6.00	3.75		
419	0700419	Giàng A Hiếu	13/07/2006	Mông	Nam	Lai Châu	THCS Quyết Thắng	4.50	5.50	1.75		
420	0700420	Lò Thị Hiếu	15/06/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	THCS Noong Hẻo	4.25	2.75	2.70		
421	0700421	Ma Thị Hoa	26/09/2006	H'Mông	Nữ	Lai Châu	THCS Nùng Nàng	3.50	4.25	3.25		
422	0700422	Nguyễn Việt Hòa	26/08/2006	H'Mông	Nữ	Lai Châu	THCS Quyết Thắng	6.00	7.50	3.45		
423	0700423	Lý Mỹ Hoàn	07/01/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	THCS Quyết Thắng	4.25	5.50	2.95		
424	0700424	Quàng Thị Hoàng	22/04/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	THCS Noong Hẻo	4.50	4.25	3.15		
425	0700425	Hầu A Hồng	13/04/2006	H Mông	Nam	Lai Châu	THCS Pu Sam Cáp	4.50	4.25	2.25		
426	0700426	Cà Thị Hợp	24/10/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	THCS Nậm Tăm	6.50	7.50	5.20		
427	0700427	Lò Văn Huân	03/01/2006	Thái	Nam	Lai Châu	THCS Thèn Sin	3.00	4.50	2.95		
428	0700428	Vàng Thị Kim Huệ	23/10/2006	Giáy	Nữ	Lai Châu	THCS Tân Phong	5.00	5.50	3.60		
429	0700429	Lò Thanh Hưng	05/10/2006	Giáy	Nam	Lai Châu	THCS Bản Giang	5.50	5.75	2.70		
430	0700430	Châu Thị Thu Hương	16/06/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	THCS Bản Giang	Vắng	Vắng	Vắng		
431	0700431	Lò Thị Hương	28/09/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	THCS Pa Khóa	4.00	2.75	1.45		
432	0700432	Lò Thị Hương	01/02/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	THCS Noong Hẻo	4.50	5.50	2.70		
433	0700433	Vùi Văn Huy	27/12/2006	Giáy	Nam	Lai Châu	THCS Thèn Sin	3.00	5.75	1.80		
434	0700434	Trần Thị Huyền	02/01/2006	Pú nả	Nữ	Lai Châu	THCS San Thàng	6.75	7.50	4.15		
435	0700435	Tao Trùng Khánh	30/01/2006	Thái	Nam	Lai Châu	THCS Đoàn Kết	4.25	7.75	1.90		
436	0700436	Chảo Thị Ngọc Kiên	28/08/2006	Pú nả	Nữ	Lai Châu	THCS San Thàng	5.75	5.00	3.45		

TT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Nơi sinh (Tỉnh)	Học sinh trường	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Chuyên	Ghi chú
437	0700437	Hò Minh Kiệt	08/07/2006	Giáy	Nam	Lai Châu	THCS San Thàng	2.50	4.50	1.55		
438	0700438	Lò Văn Kiệt	03/01/2006	Thái	Nam	Lai Châu	THCS Thèn Sin	2.75	2.00	1.75		
439	0700439	Lò Thị Là	03/11/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	THCS Pa Khóa	2.25	1.75	1.15		
440	0700440	Chẻo Mí Lai	09/05/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	THCS Ma Quai	4.75	2.00	2.50		
441	0700441	Lò Thị Lan	25/05/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	THCS Noong Hèo	5.00	7.50	4.45		
442	0700442	Dì Thị Lanh	06/01/2006	Giáy	Nữ	Lai Châu	THCS Thèn Sin	4.50	2.25	2.35		
443	0700443	Lò Thị Tú Lệ	03/07/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	THCS Thèn Sin	2.25	3.25	2.10		
444	0700444	Lý Thị Liên	08/05/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	THCS Pa Khóa	5.25	7.00	2.85		
445	0700445	Lý Thị Liền	13/09/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	THCS Căn Co	5.00	8.25	4.60		
446	0700446	Vàng Thị Liễu	20/02/2006	Giáy	nữ	Lai Châu	THCS Bản Giang	7.50	8.75	4.20		
447	0700447	Vàng Thị Lin	06/01/2006	Giáy	Nữ	Lai Châu	THCS Bản Giang	6.50	7.00	2.80		
448	0700448	Quàng Thị Lin	19/04/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	THCS Noong Hèo	7.00	7.00	2.95		
449	0700449	Lò Khánh Linh	19/09/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	THCS San Thàng	6.50	6.00	5.55		
450	0700450	Cà Văn Linh	17/11/2006	Thái	Nam	Lai Châu	THCS Pa Khóa	2.25	6.50	1.75		
451	0700451	Lý Thị Linh	08/06/2006	H Mông	Nữ	Lai Châu	THCS Nùng Nàng	4.00	4.75	2.85		
452	0700452	Vàng Thị Thuỳ Linh	01/03/2006	Mông	Nữ	Lai Châu	THCS Tà lèng	2.50	2.75	2.50		
453	0700453	Giàng A Lơ	20/03/2006	Mông	Nam	Lai Châu	THCS Sùng Phài	5.25	5.75	3.50		
454	0700454	Đèo Xuân Lộc	30/06/2006	Thái	Nam	Lai Châu	THCS Đoàn kết	2.75	5.00	2.85		
455	0700455	Thào Thị Ly	15/09/2006	Mông	Nữ	Lai Châu	THCS Tà lèng	1.00	3.75	2.80		
456	0700456	Hàng Thị Mai	07/06/2006	H'Mông	Nữ	Lai Châu	THCS Nùng Nàng	6.75	7.00	7.50		
457	0700457	Lý Thị Mai	19/08/2006	H Mông	Nữ	Lai Châu	THCS Nùng Nàng	1.25	5.25	3.15		
458	0700458	Vàng Thị Mái	01/02/2006	Giáy	Nữ	Lai Châu	THCS Bản Giang	2.75	5.75	3.20		
459	0700459	Lò Văn Mạnh	18/09/2006	Thái	Nam	Lai Châu	THCS Noong Hèo	3.50	3.00	3.25		
460	0700460	Sùng Thị Mao	23/01/2006	H Mông	Nữ	Lai Châu	THCS Nùng Nàng	1.75	2.50	1.65		
461	0700461	Giàng Thị Mầy	07/12/2006	Hmông	Nữ	Lai Châu	THCS Tà Lèng	1.50	1.50	2.40		
462	0700462	Chẻo Xuân Mầy	02/04/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	THCS Làn Nhì Thàng	4.25	3.50	1.50		
463	0700463	Tẩn Tà Mầy	11/05/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	THCS Sin Suối Hồ	4.25	7.00	3.70		
464	0700464	Phê Thị Mề	13/04/2006	Hmông	Nữ	Lai Châu	THCS Nậm Loỏng	6.50	7.75	5.10		
465	0700465	Lý A Minh	28/04/2006	Hmông	Nam	Lai Châu	THCS Nùng Nàng	1.75	2.25	1.15		
466	0700466	Đèo Thị Trà My	17/03/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	THCS Đoàn kết	5.00	4.25	2.75		
467	0700467	Lù Thị Nghiêm	28/11/2006	Giáy	Nữ	Lai Châu	THCS Thèn Sin	3.50	2.50	3.30		
468	0700468	Lò Thị Nghiệp	25/01/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	THCS Noong Hèo	7.00	3.00	2.60		
469	0700469	Trương Thị Ánh Ngọc	02/06/2006	Mường	Nữ	Lai Châu	THCS Quyết Thắng	5.50	5.50	2.45		
470	0700470	Lò Thị Nguyệt	02/10/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	THCS Thèn Sin	1.25	2.75	2.60		

TT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Nơi sinh (Tỉnh)	Học sinh trường	Điểm				Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Chuyên	
471	0700471	Hò Văn Nhất	11/11/2006	Giáy	Nam	Lai Châu	THCS San Thàng	3.00	4.75	1.95		
472	0700472	Lù Thị Yến Nhi	15/09/2006	Giấy	Nữ	Lai Châu	THCS Quyết Thắng	5.50	7.50	4.20		
473	0700473	Vàng Pa Nhi	26/03/2006	HMông	Nữ	Lai Châu	THCS Nùng Nàng	4.00	3.75	3.10		
474	0700474	Nùng Thị Nhơn	01/04/2006	Giấy	Nữ	Lai Châu	THCS Quyết Thắng	4.00	4.50	2.00		
475	0700475	Lò Thị Quỳnh Như	16/09/2006	Giáy	Nữ	Lai Châu	THCS Bản Giang	4.25	4.75	3.00		
476	0700476	Hảng Thị Nhung	03/12/2006	H'Mông	Nữ	Lai Châu	THCS Nùng Nàng	2.00	5.00	2.90		
477	0700477	Phan Phương Niên	18/12/2006	Giáy	Nữ	Lai Châu	THCS Quyết Thắng	5.00	5.50	3.45		
478	0700478	Lò Văn Ninh	18/10/2006	Thái	Nam	Lai Châu	THCS Noong Hèo	4.75	6.75	3.45		
479	0700479	Phàn Thị Non	01/07/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	THCS Bản Giang	4.00	3.75	3.10		
480	0700480	Sùng A Nù	10/01/2006	H'Mông	Nam	Lai Châu	THCS Tà Lèng	2.25	3.00	3.50		
481	0700481	Vàng A Páo	02/10/2006	H Mông	Nam	Lai Châu	THCS Nùng Nàng	1.00	3.25	2.95		
482	0700482	Sùng A Páo	21/07/2006	H'Mông	Nam	Lai Châu	THCS Nùng Nàng	5.00	4.25	3.25		
483	0700483	Hảng Thị Pha	11/08/2006	H'Mông	Nữ	Lai Châu	THCS Tà Lèng	3.25	3.00	2.70		
484	0700484	Giàng A Phi	12/11/2006	H Mông	Nam	Lai Châu	THCS Quyết Thắng	2.75	3.50	0.45		
485	0700485	Hảng A Phình	12/12/2006	H Mông	Nam	Lai Châu	THCS Nùng Nàng	1.25	1.75	1.75		
486	0700486	Lý A Phú	09/11/2006	H'Mông	Nam	Lai Châu	THCS Tà Lèng	3.00	2.25	2.10		
487	0700487	Sùng A Phử	25/07/2006	H'Mông	Nam	Lai Châu	THCS Tà Lèng	2.00	1.75	2.10		
488	0700488	Hảng A Phử	02/10/2006	H Mông	Nam	Lai Châu	THCS Tà Lèng	1.25	7.50	2.85		
489	0700489	Nguyễn Duy Bảo Phúc	13/02/2006	Thái	Nam	Lai Châu	THCS Quyết Thắng	3.25	6.75	8.20		
490	0700490	Tẩn Hồng Phúc	13/02/2006	Dao	Nam	Lai Châu	THCS Tà Lèng	3.00	3.75	2.35		
491	0700491	Chang A Phương	17/11/2006	Hmông	Nam	Lai Châu	THCS Quyết Thắng	3.50	5.00	2.20		
492	0700492	Chang Thị Thúy Phương	15/03/2006	Hmông	Nữ	Lai Châu	THCS Pa Khóa	Vắng	Vắng	Vắng		
493	0700493	Vàng Lạnh Quân	15/11/2006	HMông	Nam	Lai Châu	THCS Tà Lèng	0.75	1.50	0.60		
494	0700494	Vùi Văn Quyết	13/06/2006	Giấy	Nam	Lai Châu	THCS San Thàng	3.75	6.00	2.25		
495	0700495	Sùng Thị Rù	21/02/2006	Hmông	Nữ	Lai Châu	THCS Nùng Nàng	1.50	4.25	2.50		
496	0700496	Lò Thị Sánh	08/11/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	THCS Noong Hèo	6.25	6.00	3.60		
497	0700497	Giàng Thị Là Sành	06/08/2006	Mông	Nữ	Lai Châu	TH&THCS Pu Sam Cáp	5.25	4.00	3.65		
498	0700498	Sùng A Sáu	21/11/2006	Hmông	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Sin Suối Hồ	4.50	6.50	3.15		
499	0700499	Giàng A Sì	27/12/2006	Mông	Nam	Lai Châu	THCS Nậm Loỏng	5.00	6.75	4.60		
500	0700500	Sùng Thị Sinh	07/11/2006	Hmông	Nữ	Lai Châu	THCS Quyết Thắng	4.25	3.75	2.25		
501	0700501	Hảng Thị Sơ	23/03/2006	Mông	Nữ	Lai Châu	THCS Tà Lèng	2.25	2.00	0.70		
502	0700502	Lò Xuân Thái Sơn	14/10/2006	Giáy	Nam	Lai Châu	THCS Bản Giang	4.25	5.75	3.45		
503	0700503	Sùng A Sơn	06/01/2006	H'Mông	Nam	Lai Châu	THCS Nùng Nàng	0.50	3.50	2.15		
504	0700504	Vàng A Sơn	25/06/2006	Mông	Nam	Lai Châu	THCS Quyết Thắng	2.75	4.50	1.80		

TT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Nơi sinh (Tỉnh)	Học sinh trường	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Chuyên	Ghi chú
505	0700505	Giàng A Su	09/11/2006	Mông	Nam	Lai Châu	THCS Tà Lèng	1.50	3.00	2.90		
506	0700506	Lý A Sun	21/04/2006	Dao	Nam	Lai Châu	THCS Quyết Thắng	5.50	8.50	3.75		
507	0700507	Lò Thị Suyến	10/09/2006	Pú nà	Nữ	Lai Châu	THCS San Thàng	7.00	7.50	3.20		
508	0700508	Tần Láo Tà	22/07/2006	Dao	Nam	Lai Châu	PTDTBT - THCS Sin Suối Hồ	3.75	5.50	1.80		
509	0700509	Chang A Là Thà	14/08/2006	H Mông	Nam	Lai Châu	THCS Pu Sam Cáp	5.00	4.25	3.20		
510	0700510	Hoàng Thị Thạch	25/05/2006	Giáy	Nữ	Lai Châu	THCS San Thàng	5.00	5.00	2.95		
511	0700511	Lý A Thái	07/06/2006	Mông	Nam	Lai Châu	THCS Nùng Nàng	3.25	3.25	1.55		
512	0700512	Hầu A Thanh	16/08/2006	H Mông	Nam	Lai Châu	THCS Pu Sam Cáp	5.00	4.75	3.20		
513	0700513	Hàng A Thào	22/10/2006	Mông	Nam	Lai Châu	THCS Tà lèng	1.50	2.25	2.25		
514	0700514	Lù Thị Thu Thảo	16/04/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	THCS Bản Giang	3.75	3.25	2.50		
515	0700515	Sùng Thị Thi	20/06/2006	Mông	Nữ	Lai Châu	THCS Nùng Nàng	5.25	6.25	3.75		
516	0700516	Lù Ngọc Thiện	02/02/2006	Thái	Nam	Điện Biên	THCS Thị trấn Tam Đường	4.50	4.00	2.50		
517	0700517	Lò Thị Thiết	02/05/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	THCS Noong Hèo	4.00	5.00	4.10		
518	0700518	Giàng A Thình	03/12/2006	Mông	Nam	Lai Châu	THCS Tà lèng	1.25	3.75	2.55		
519	0700519	Lò Phương Thu	08/03/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	THCS Noong Hèo	6.25	5.00	3.20		
520	0700520	Tần Thị Thương	08/01/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	THCS Quyết Thắng	4.00	5.50	3.30		
521	0700521	Sỹ Thị Thương	22/02/2006	Giáy	Nữ	Lai Châu	THCS Thèn Sin	3.00	4.00	2.45		
522	0700522	Lò Văn Thương	20/06/2006	Giáy	Nam	Lai Châu	THCS Bản Giang	2.25	2.50	3.35		
523	0700523	Lò Anh Thuyết	25/03/2006	Dao	Nam	Lai Châu	THCS Tà lèng	3.00	6.50	3.45		
524	0700524	Lò Thị Tiến	06/03/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	THCS Noong Hèo	5.75	7.00	4.40		
525	0700525	Lò Thị Tiện	03/10/2006	Giáy	Nữ	Lai Châu	THCS Thèn Sin	3.75	6.25	3.65		
526	0700526	Ủ Thị Tiếp	25/01/2006	Giáy	Nữ	Lai Châu	THCS Bản Giang	3.75	6.50	1.25		
527	0700527	Vàng Văn Toàn	13/09/2006	Thái	Nam	Lai Châu	THCS Thèn Sin	4.00	6.50	3.95		
528	0700528	Mông Thanh Trà	12/01/2006	Nùng	Nữ	Thái Bình	THCS Quyết Thắng	5.50	8.50	6.05		
529	0700529	Sùng Quang Trung	10/06/2006	H Mông	Nam	Lai Châu	THCS Pu Sam Cáp	5.25	7.00	4.80		
530	0700530	Sùng A Trường	18/02/2006	H Mông	Nam	Lai Châu	THCS Nùng Nàng	1.75	4.25	2.30		
531	0700531	Vàng A Trường	13/09/2006	Mông	Nam	Lai Châu	THCS Tà lèng	0.75	2.25	0.85		
532	0700532	Quàng Văn Tư	25/09/2006	Thái	Nam	Lai Châu	THCS Nậm Tăm	6.00	7.50	4.25		
533	0700533	Tần Minh Tuấn	08/12/2005	Dao	Nam	Lai Châu	THCS Sùng Phài	5.75	6.75	3.60		
534	0700534	Vàng Thị Tuyến	05/08/2006	Pú nà	Nữ	Lai Châu	THCS San Thàng	Vắng	Vắng	Vắng		
535	0700535	Lò Thị Uấn	06/07/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	THCS Noong Hèo	5.75	5.25	2.50		
536	0700536	Liễu Bạch Vân	25/02/2006	Mông	Nữ	Lai Châu	THCS Nậm Loỏng	5.25	8.00	6.40		
537	0700537	Lù Thị Ánh Vân	18/08/2006	Giáy	Nữ	Lai Châu	THCS Quyết Thắng	4.25	5.75	1.65		
538	0700538	Lý Thị Vân	10/10/2006	Mông	Nữ	Lai Châu	THCS Tà lèng	2.75	3.25	3.10		

TT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Nơi sinh (Tỉnh)	Học sinh trường	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Chuyên	Ghi chú
539	0700539	Sè Thị Thảo Vi	23/07/2006	Giáy	Nữ	Lai Châu	THCS Đoàn kết	2.75	4.75	1.60		
540	0700540	Cà Văn Vinh	02/01/2006	Thái	Nam	Lai Châu	THCS Pa Khóa	3.25	7.75	1.75		
541	0700541	Phàn Phú Vinh	29/05/2006	Dao	Nam	Lai Châu	THCS Tà lèng	2.25	6.25	3.40		
542	0700542	Lù Đức Vũ	13/04/2006	Thái	Nam	Điện Biên	THCS Quyết Thắng	5.25	6.50	2.90		
543	0700543	Hàng A Xà	04/06/2006	Mông	Nam	Lai Châu	THCS Tà lèng	2.25	6.50	3.95		
544	0700544	Hàng Thị Xông	22/11/2006	Mông	Nữ	Lai Châu	THCS Tà lèng	Vắng	Vắng	Vắng		
545	0700545	Giàng Thị Xua	16/12/2006	H' mông	Nữ	Lai Châu	THCS Nậm Loỏng	Vắng	Vắng	Vắng		
546	0700546	Vùi Thị Yên	21/10/2006	Giáy	Nữ	Lai Châu	THCS Tân Phong	5.50	7.00	3.05		
547	0700547	Giàng Thị Hải Yến	17/07/2006	Giáy	Nữ	Lai Châu	THCS Bản Giang	6.50	7.00	4.00		
548	0700548	Thào Việt Anh	14/10/2006	Hmông	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Dào San	4.50	3.75	1.75		
549	0700549	Phàn Quỳnh Anh	26/08/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Ma Li Pho	2.75	3.00	1.75		
550	0700550	Giàng Mỳ Bát	10/02/2006	Hà Nhì	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Huổi Luông	4.25	5.50	3.15		
551	0700551	Vàng Thị Bảy	27/03/2006	Mông	Nữ	Lai Châu	THCS Làn Nhì Thàng	3.50	3.50	2.20		
552	0700552	Cao A Bình	10/05/2006	Hà Nhì	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Huổi Luông	3.50	6.00	2.40		
553	0700553	Cồ Xá Ca	02/02/2006	Hà Nhì	Nam	Lai Châu	THCS Si Lở Lầu	2.25	3.25	1.65		
554	0700554	Phàn Văn Cảnh	23/03/2006	Dao	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Hoang Thèn	1.50	0.00	0.85		
555	0700555	Sùng A Cháng	29/11/2006	Mông	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Sin Suối Hồ	1.75	3.75	3.30		
556	0700556	Tao Thanh Chi	05/10/2006	Thái	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Nậm Xe	3.50	6.75	4.45		
557	0700557	Chẻo Hoán Chiêm	10/05/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Huổi Luông	5.50	4.75	4.15		
558	0700558	Tần Minh Chiến	23/01/2006	Dao	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Ma Li Pho	1.50	0.00	1.35		
559	0700559	Giàng A Chính	09/05/2006	Mông	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Dào San	3.25	3.75	1.50		
560	0700560	Phàn Văn Chinh	01/07/2006	Dao	Nam	Lai Châu	TH& THCS Số 1 Bản Lang	1.00	2.25	1.60		
561	0700561	Giàng A Chùa	03/10/2006	Mông	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Mù Sang	0.75	0.25	0.70		
562	0700562	Hàng Tiến Công	11/07/2006	Mông	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Pa Vây Sử	3.00	6.25	1.10		
563	0700563	Hàng Thị Công	10/10/2006	Hmông	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Mù Sang	1.50	2.00	1.15		
564	0700564	Sùng Thị Cu	09/02/2006	H'Mông	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Sin Suối Hồ	4.75	4.50	4.30		
565	0700565	Ma A Cu	25/02/2005	Mông	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Mù Sang	0.25	0.00	1.05		
566	0700566	Chang A Đá	05/07/2005	Mông	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Dào San	2.25	0.50	1.55		
567	0700567	Lù Thị Anh Đào	01/09/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	THCS Khổng Lào	2.25	1.75	1.10		
568	0700568	Vàng Văn Đạt	07/03/2006	Dao	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Hoang Thèn	2.25	0.75	1.40		
569	0700569	Vàng A Dế	12/05/2006	Hmông	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Sin Suối Hồ	4.50	3.00	3.00		
570	0700570	Vàng Văn Diệp	18/07/2006	Thái	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Nậm Xe	5.00	7.25	4.00		
571	0700571	Thào Thị Dinh	24/10/2006	Mông	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Dào San	3.75	3.75	1.65		
572	0700572	Vàng Phử Dinh	11/03/2006	Hmông	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Hoang Thèn	2.25	2.00	1.85		

TT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Nơi sinh (Tỉnh)	Học sinh trường	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Chuyên	Ghi chú
573	0700573	Hoàng Xa Định	02/09/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Hoang Thèn	4.75	2.00	2.60		
574	0700574	Phàn Thị Đôn	22/08/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Ma Li Pho	3.00	2.25	1.55		
575	0700575	Cao Mỳ Dữ	03/06/2006	Hà Nhì	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Huổi Luông	2.50	2.50	1.50		
576	0700576	Sùng Thị Dua	05/07/2006	Mông	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Nậm Xe	5.00	6.75	4.15		
577	0700577	Giàng Thị Dủa	13/02/2006	Mông	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Nậm Xe	5.75	6.50	3.85		
578	0700578	Hàng Thị Dủa	17/07/2006	Mông	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Nậm Xe	6.00	7.00	5.20		
579	0700579	Vàng Bình Đức	06/07/2006	Dao	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Hoang Thèn	1.00	4.50	1.10		
580	0700580	Hoàng Minh Đức	11/12/2006	Thái	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Nậm Xe	5.50	7.00	4.20		
581	0700581	Sùng Anh Đức	17/05/2006	Mông	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Dào San	2.00	0.50	1.70		
582	0700582	Lý Phù Đức	05/02/2006	Dao	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Ma Li Pho	1.00	1.75	1.20		
583	0700583	Giàng Thị Dung	01/10/2006	Mông	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Hoang Thèn	3.00	4.50	2.40		
584	0700584	Thẳn Thị Dung	12/07/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	PTDTBT TH&THCS Số 2 Bản Lang	3.75	4.00	6.50		
585	0700585	Lý Tuấn Dũng	15/09/2006	Dao	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Hoang Thèn	2.50	1.00	2.25		
586	0700586	Hàng A Dũng	08/01/2006	Mông	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Dào San	3.00	4.00	2.30		
587	0700587	Phàn Chìn Dũng	14/08/2006	Dao	Nam	Lai Châu	THCS Khổng Lào	2.50	6.50	2.65		
588	0700588	Lý Thị Dương	14/08/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Nậm Xe	5.75	6.25	5.90		
589	0700589	Tẩn Hải Dương	16/10/2006	Dao	Nam	Lai Châu	THCS Khổng Lào	4.50	5.50	2.65		
590	0700590	Lò Thị Duy	29/04/2006	Giáy	Nữ	Lai Châu	TH& THCS Số 1 Bản Lang	3.00	0.00	0.60		
591	0700591	Phàn Thị Kim Duyên	16/09/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Ma Li Pho	1.50	1.50	1.35		
592	0700592	Ly Mè Gà	05/01/2006	Hà Nhì	Nam	Lai Châu	THCS Si Lờ Lầu	2.75	4.50	2.35		
593	0700593	Phàn Xa Gậy	09/01/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	PTDTBT TH&THCS Số 2 Bản Lang	5.25	3.25	3.25		
594	0700594	Giàng Mì Há	27/01/2006	Hà Nhì	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Huổi Luông	5.25	2.25	1.85		
595	0700595	Lý Hồng Hà	17/03/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Ma Li Pho	3.50	3.75	0.90		
596	0700596	Tẩn Kin Hà	09/04/2006	Dao	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Ma Li Pho	2.25	5.25	1.75		
597	0700597	Lý Minh Hải	13/04/2006	Dao	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Hoang Thèn	1.25	2.00	1.35		
598	0700598	Vàng Thị Hằng	15/10/2006	Giáy	Nữ	Lai Châu	TH& THCS Số 1 Bản Lang	6.50	5.50	4.90		
599	0700599	Lý Thị Hằng	05/12/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Hoang Thèn	2.75	2.25	1.80		
600	0700600	Lý Thị Hằng	21/09/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	PTDTBT TH&THCS Số 2 Bản Lang	4.25	5.00	4.15		
601	0700601	Hoàng Thị Hậu	10/09/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	THCS Mường So	5.75	2.50	3.00		
602	0700602	Chéo Diễn Heng	11/01/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	THCS Lản Nhì Thàng	2.50	3.75	2.30		
603	0700603	Hoàng Thị Thanh Hiền	02/06/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Ma Li Pho	1.75	0.75	1.45		
604	0700604	Chang Ngọc Hiển	20/10/2006	Dao	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Hoang Thèn	2.50	2.25	1.95		
605	0700605	Lý Văn Hiếu	05/04/2006	Dao	Nam	Lai Châu	PTDTBT TH&THCS Số 2 Bản Lang	4.50	7.00	5.20		
606	0700606	Sùng A Hoa	05/05/2006	Mông	Nam	Lai Châu	THCS Lản Nhì Thàng	2.25	3.00	1.95		

TT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Nơi sinh (Tỉnh)	Học sinh trường	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Chuyên	Ghi chú
607	0700607	Chèo Thị Hoa	22/03/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	THCS Làn Nhì Thàng	1.75	6.25	1.35		
608	0700608	Vàng Thị Hoa	14/07/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	TH& THCS Số 1 Bản Lang	3.50	3.25	1.55		
609	0700609	Lý Kim Hoa	05/02/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	TH& THCS Số 1 Bản Lang	5.00	7.00	0.75		
610	0700610	Lý Thị Hoa	24/06/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Ma Li Pho	1.25	2.00	1.25		
611	0700611	Lý Thị Hoa	06/05/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Vàng Ma Chải	2.25	1.50	1.40		
612	0700612	Lý Thị Hoa	14/02/2006	Hà Nhì	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Dào San	5.00	5.75	2.30		
613	0700613	Lý Thị Hoa	02/05/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Ma Li Pho	4.75	6.75	1.00		
614	0700614	Tẩn Thị Hoa	16/05/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Ma Li Pho	2.50	2.00	1.80		
615	0700615	Giàng Thị Khánh Hòa	08/03/2006	Mông	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Mù Sang	1.00	1.00	1.55		
616	0700616	Lý A Hòa	26/01/2006	Dao	Nam	Lai Châu	PTDTBT TH&THCS Số 2 Bản Lang	5.25	5.25	1.90		
617	0700617	Lý Việt Hoàn	11/08/2006	Thái	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Nậm Xe	2.75	4.25	3.40		
618	0700618	Chu Mỳ Hợi	13/07/2006	Hà Nhì	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Huổi Luông	4.75	3.00	0.45		
619	0700619	Lý Thị Hồng	03/03/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Huổi Luông	5.25	6.25	3.20		
620	0700620	Lý Thị Hồng	17/02/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Hoang Thèn	3.00	2.00	1.85		
621	0700621	Tẩn Thị Hồng	27/11/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Ma Li Pho	6.00	3.00	2.15		
622	0700622	Tẩn Thị Mẩy Hồng	10/03/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Vàng Ma Chải	2.00	5.25	3.30		
623	0700623	Lý Xa Hồng	24/01/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	PTDTBT TH&THCS Số 2 Bản Lang	4.50	4.50	2.55		
624	0700624	Phàn Sèo Hùng	13/09/2006	Dao	Nam	Lai Châu	PTDTBT TH&THCS Số 2 Bản Lang	4.25	4.75	3.40		
625	0700625	Vàng A Hùng	15/11/2006	Mông	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Mù Sang	0.25	1.75	0.65		
626	0700626	Lù Thị Hương	12/09/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Nậm Xe	6.00	6.75	5.00		
627	0700627	Lò Thị Thu Hương	04/07/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Nậm Xe	5.00	5.00	5.80		
628	0700628	Thẩn Thị Hương	11/07/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Hoang Thèn	3.25	3.00	3.30		
629	0700629	Lù Ngọc Hương	04/10/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	TH& THCS Số 1 Bản Lang	5.00	6.25	2.05		
630	0700630	Giàng Quang Huy	28/12/2006	Hà Nhì	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Huổi Luông	2.50	2.00	1.45		
631	0700631	Vùi Thị Huyến	31/01/2006	Giáy	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Nậm Xe	6.50	6.50	4.95		
632	0700632	Hàng Thị Kẻ	06/10/2006	Mông	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Dào San	5.75	6.50	3.75		
633	0700633	Hoàng Hải Lam	07/07/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Nậm Xe	6.50	6.50	5.60		
634	0700634	Thẩn Thị Lan	26/02/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Hoang Thèn	3.50	1.25	1.35		
635	0700635	Sùng Thị Lan	02/01/2006	H'Mông	Nữ	Lai Châu	THCS Làn Nhì Thàng	2.75	4.25	1.35		
636	0700636	Chang Thị Lan	19/06/2006	Hmông	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Sin Suối Hồ	3.50	3.00	4.10		
637	0700637	Phàn Thị Lan	16/06/2005	Dao	Nữ	Lai Châu	PTDTBT TH&THCS Số 2 Bản Lang	Vắng	Vắng	Vắng		
638	0700638	Lý Thị Lành	26/9/2006	Giáy	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Nậm Xe	5.00	6.75	4.90		
639	0700639	Lý Thị Lập	05/11/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Hoang Thèn	4.50	2.25	2.05		
640	0700640	Hoàng Mi Le	09/01/2006	Hà Nhì	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Huổi Luông	4.75	3.25	3.35		

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH LAI CHÂU

TT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Nơi sinh (Tỉnh)	Học sinh trường	Điểm				Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Chuyên	
641	0700641	Lý Thị Liên	20/05/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	TH& THCS Số 1 Bản Lang	2.50	1.50	0.00		
642	0700642	Lý Thị Liên	24/10/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Ma Li Pho	4.50	5.25	1.85		
643	0700643	Lý Mi Liên	01/06/2006	Hà Nhì	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Huổi Luông	4.75	6.75	2.55		
644	0700644	Lù Thị Linh	04/08/2006	Giáy	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Nậm Xe	5.75	7.50	6.80		
645	0700645	Nguyễn Thảo Linh	03/02/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	THCS Mường So	8.25	8.00	5.45		
646	0700646	Thào Thị Ngọc Linh	29/03/2006	Mông	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Dào San	5.00	5.75	2.55		
647	0700647	Phàn Thị Linh	01/12/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	PTDTBT TH&THCS Số 2 Bản Lang	4.25	5.00	4.20		
648	0700648	Tẩn Lao Lở	01/03/2006	Dao	Nam	Lai Châu	THCS Si Lở Lầu	2.75	3.50	2.95		
649	0700649	Chẻo Láo Lở	19/10/2006	Dao	Nam	Lai Châu	TH & THCS Mồ Sì San	3.25	3.50	2.70		
650	0700650	Nguyễn Thị Tố Loan	23/08/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	THCS Khổng Lào	5.50	4.75	2.75		
651	0700651	Chẻo Vân Long	11/02/2006	Dao	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Vàng Ma Chải	1.50	2.75	0.90		
652	0700652	Lò Thị Ly	20/09/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Nậm Xe	3.25	4.25	3.45		
653	0700653	Giàng Mì Ly	03/02/2006	Hà Nhì	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Huổi Luông	5.00	6.25	2.75		
654	0700654	Lý Quỳnh Mai	15/06/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Ma Li Pho	4.75	3.25	2.95		
655	0700655	Lý Thị Mai	14/10/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Ma Li Pho	3.00	2.00	1.20		
656	0700656	Hoàng Quang Mạnh	09/02/2006	Dao	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Ma Li Pho	1.75	1.50	0.40		
657	0700657	Phàn Tà Mẩy	20/11/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Hoang Thèn	3.00	4.50	2.65		
658	0700658	Phàn San Mẩy	07/01/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	THCS Si Lở Lầu	3.25	6.00	2.45		
659	0700659	Lý Xa Mẩy	13/01/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Hoang Thèn	2.75	1.75	1.10		
660	0700660	Lý Tà Mẩy	29/06/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Vàng Ma Chải	2.00	2.75	3.55		
661	0700661	Tẩn Tà Mẩy	09/12/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Sin Suối Hồ	4.75	6.50	1.80		
662	0700662	Cứ Thị Chinh Mẩy	05/12/2006	Mông	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Dào San	6.25	5.50	2.45		
663	0700663	Tẩn Lở Mẩy	06/06/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Dào San	5.50	6.25	2.45		
664	0700664	Tẩn Khách Mẩy	28/05/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Vàng Ma Chải	2.75	4.75	2.75		
665	0700665	Phàn Lở Mẩy	08/04/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Vàng Ma Chải	3.25	3.25	4.20		
666	0700666	Chẻo Chin Mẩy	01/09/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Huổi Luông	6.25	7.00	3.15		
667	0700667	Phàn Tà Mẩy	31/12/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	THCS Si Lở Lầu	3.25	2.00	0.95		
668	0700668	Phàn Sử Mẩy	22/05/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	THCS Si Lở Lầu	3.25	3.00	1.75		
669	0700669	Chẻo Sủ Mềnh	28/01/2006	Dao	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Huổi Luông	5.25	6.00	3.10		
670	0700670	Thẩn Quang Minh	10/03/2006	Dao	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Hoang Thèn	1.25	0.50	1.30		
671	0700671	Lý Văn Minh	18/11/2006	Dao	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Hoang Thèn	2.25	3.75	1.55		
672	0700672	Lý Nhật Minh	24/06/2006	Thái	Nam	Lai Châu	THCS Mường So	5.50	3.75	2.05		
673	0700673	Lý Xa Môi	09/03/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	PTDTBT TH&THCS Số 2 Bản Lang	4.25	3.00	3.75		
674	0700674	Chang Phủ Mứng	14/08/2006	Dao	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Nậm Xe	4.00	7.75	3.70		

TT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Nơi sinh (Tỉnh)	Học sinh trường	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Chuyên	Ghi chú
675	0700675	Lý Hoài Nam	01/09/2005	Dao	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Hoang Thèn	1.75	1.00	1.50		
676	0700676	Lý Hoài Nam	21/10/2006	Dao	Nam	Lai Châu	PTDTBT TH&THCS Số 2 Bản Lang	4.00	5.00	3.20		
677	0700677	Tẩn Thị Nên	17/08/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Ma Li Pho	5.00	2.50	1.30		
678	0700678	Phàng Thị Nga	06/11/2006	Mông	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Dào San	4.50	4.00	1.80		
679	0700679	Tẩn Chin Ngan	09/02/2006	Dao	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Ma Li Pho	2.00	2.75	0.70		
680	0700680	Phù Tuyết Ngoan	06/06/2006	Hà Nhì	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Huổi Luông	4.25	2.50	3.00		
681	0700681	Lù Thị Ngoan	17/11/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	PTDTBT TH&THCS Số 2 Bản Lang	5.50	4.00	3.25		
682	0700682	Hoàng Bích Ngọc	30/07/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Ma Li Pho	4.50	6.50	2.75		
683	0700683	Tẩn Mỹ Ngọc	17/10/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	THCS Si Lở Lầu	3.50	6.75	3.10		
684	0700684	Phàn Thị Nguyệt	04/10/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Hoang Thèn	2.75	2.00	1.45		
685	0700685	Tẩn Thị Nguyệt	01/11/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Ma Li Pho	1.50	6.25	5.00		
686	0700686	Giàng Thị Nha	01/05/2006	Mông	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Dào San	5.25	4.00	2.60		
687	0700687	Lý Mỳ Nhất	26/07/2006	Hà Nhì	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Huổi Luông	5.00	4.00	2.45		
688	0700688	Hoàng Thị Nhi	13/09/2006	Giấy	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Nậm Xe	5.75	6.50	3.40		
689	0700689	Tẩn Thị Yến Nhi	17/07/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	THCS Mường So	7.75	8.50	6.50		
690	0700690	Đèo Thị Ngọc Nhi	01/10/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	THCS Khổng Lào	4.00	5.25	2.75		
691	0700691	Chang Mì Nhi	15/09/2006	Hà Nhì	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Huổi Luông	2.50	1.75	1.15		
692	0700692	Tẩn Hồng Nhi	29/06/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	THCS Si Lở Lầu	3.50	1.75	0.45		
693	0700693	Phàn Văn Nhiệm	26/04/2006	Dao	Nam	Lai Châu	TH& THCS Số 1 Bản Lang	3.00	3.00	2.10		
694	0700694	Lường Văn Nhơi	11/12/2005	Thái	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Nậm Xe	4.25	7.00	4.00		
695	0700695	Vàng Thị Như	18/09/2006	Giáy	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Nậm Xe	5.75	6.50	4.70		
696	0700696	Chẻo Thị Hồng Nhung	10/03/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	THCS Làn Nhì Thàng	5.50	6.50	3.30		
697	0700697	Nguyễn Lô Châu Ninh	16/07/2006	Thái	Nữ	Quảng Ninh	THCS Thị trấn Phong Thổ	4.75	5.25	2.00		
698	0700698	Giàng Thị Nương	24/01/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Huổi Luông	6.50	7.75	3.90		
699	0700699	Thào A Pao	30/10/2006	Mông	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Mù Sang	1.00	1.25	1.60		
700	0700700	Phùng Phàn Páo	10/08/2006	Dao	Nam	Lai Châu	THCS Làn Nhì Thàng	4.00	3.50	1.30		
701	0700701	Dì A Páo	02/08/2006	Hmông	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Dào San	5.25	6.00	1.05		
702	0700702	Giàng Cà Pe	15/05/2006	Hà Nhì	Nữ	Lai Châu	PTDTBT TH&THCS Tung Qua Lìn	1.00	0.00	0.90		
703	0700703	Chảo Chin Phà	03/09/2006	Dao	Nam	Lai Châu	THCS Khổng Lào	5.50	6.50	3.85		
704	0700704	Chang Thị Phia	08/06/2006	Hmông	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Pa Vây Sử	3.25	3.00	1.85		
705	0700705	Lù Dừ Phơ	01/02/2006	Hà Nhì	Nữ	Lai Châu	THCS Si Lở Lầu	2.00	2.00	1.05		
706	0700706	Dì A Phong	17/04/2006	Mông	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Dào San	4.75	3.75	2.30		
707	0700707	Tẩn Thiên Phú	17/02/2006	Dao	Nam	Lai Châu	THCS Si Lở Lầu	3.50	2.50	1.80		
708	0700708	Ma A Phứ	21/01/2006	Mông	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Mù Sang	1.25	0.50	0.85		

TT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Nơi sinh (Tỉnh)	Học sinh trường	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Chuyên	Ghi chú
709	0700709	Vàng A Phùa	21/06/2006	Mông	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Dào San	5.75	7.00	3.90		
710	0700710	Liều A Phùa	05/03/2006	Mông	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Huổi Luông	1.50	0.75	0.80		
711	0700711	Lý Thị Phương	03/04/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Hoang Thèn	3.75	4.00	2.05		
712	0700712	Lý Thị Phương	31/01/2005	Dao	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Huổi Luông	2.50	3.25	0.60		
713	0700713	Thần Thị Kiều Phương	09/08/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Hoang Thèn	4.50	4.50	2.15		
714	0700714	Dì Thị Phượng	19/08/2006	Hmông	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Dào San	4.75	6.25	2.20		
715	0700715	Lý Thị Phượng	02/07/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Ma Li Pho	2.75	2.00	1.50		
716	0700716	Lý A Pó	30/05/2006	Hà Nhì	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Huổi Luông	3.75	6.50	2.05		
717	0700717	Tẩn Anh Quân	28/05/2006	Dao	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Ma Li Pho	1.25	2.25	0.45		
718	0700718	Vàng Văn Quang	05/05/2006	Thái	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Nậm Xe	5.50	9.25	6.50		
719	0700719	Thùng Văn Quang	29/09/2006	Thái	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Nậm Xe	4.25	4.00	2.95		
720	0700720	Lừu Tuyên Quang	25/12/2006	Hà Nhì	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Huổi Luông	4.75	7.50	2.95		
721	0700721	Giàng Thị Quy	27/03/2006	Mông	Nữ	Lai Châu	THCS Lản Nhì Thàng	Vắng	Vắng	Vắng		
722	0700722	Giàng Mỳ Quy	19/12/2006	Hà Nhì	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Huổi Luông	4.75	3.25	1.25		
723	0700723	Tẩn Thị Quý	02/05/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Hoang Thèn	4.75	3.00	2.30		
724	0700724	Lý Xuân Quý	09/05/2006	Dao	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Ma Li Pho	Vắng	Vắng	Vắng		
725	0700725	Lý Mì Sa	11/05/2006	Hà Nhì	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Huổi Luông	4.50	4.00	3.25		
726	0700726	Lỳ Mì Sá	26/03/2006	Hà Nhì	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Huổi Luông	4.00	5.00	3.00		
727	0700727	Chẻo A San	02/09/2006	Dao	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Huổi Luông	Vắng	Vắng	Vắng		
728	0700728	Lý Văn Sáng	13/01/2006	Dao	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Nậm Xe	4.75	5.75	5.85		
729	0700729	Sùng Thị Sanh	15/02/2006	Mông	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Nậm Xe	7.00	7.25	5.65		
730	0700730	Giàng Mì Sơ	15/04/2006	Hà Nhì	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Huổi Luông	4.50	4.50	2.25		
731	0700731	Ma A Sở	19/10/2006	Mông	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Mù Sang	0.75	0.25	0.70		
732	0700732	Vàng Thị Soát	07/11/2006	Hmông	Nữ	Lai Châu	THCS Lản Nhì Thàng	2.75	1.75	1.25		
733	0700733	Giàng Thị Sú	01/01/2006	Hmông	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Sin Suối Hồ	3.50	3.75	4.00		
734	0700734	Sùng Thị Sua	07/07/2006	Hmông	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Dào San	4.50	7.00	1.80		
735	0700735	Lò Văn Sức	02/09/2006	Thái	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Nậm Xe	4.00	7.00	3.50		
736	0700736	Lý Xa Sỹ	08/12/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	TH& THCS Số 1 Bản Lang	2.00	3.75	1.30		
737	0700737	Tẩn Lao Tà	20/07/2006	Dao	Nam	Lai Châu	THCS Si Lở Lầu	2.50	4.75	1.80		
738	0700738	Phàn Láo Tà	21/11/2006	Dao	Nam	Lai Châu	TH & THCS Mồ Sì San	1.75	7.00	4.15		
739	0700739	Phùng Láo Tà	13/07/2006	Dao	Nam	Lai Châu	TH & THCS Mồ Sì San	2.75	5.75	4.85		
740	0700740	Phàn Lao Tà	01/01/2006	Dao	Nam	Lai Châu	THCS Si Lở Lầu	2.50	2.25	0.90		
741	0700741	Giàng Thị Tâm	19/10/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Huổi Luông	3.50	5.00	1.75		
742	0700742	Giàng Mỹ Tâm	26/03/2006	Hà Nhì	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Huổi Luông	4.75	4.00	2.05		

TT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Nơi sinh (Tỉnh)	Học sinh trường	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Chuyên	Ghi chú
743	0700743	Lý Thị Tâm	12/10/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	PTDTBT TH&THCS Số 2 Bản Lang	3.50	7.00	4.15		
744	0700744	Phàn Thị Thắm	06/08/2005	Dao	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Vàng Ma Chải	2.00	2.25	2.35		
745	0700745	Lý Đức Thắng	01/11/2006	Dao	Nam	Lai Châu	THCS Khổng Lào	4.00	3.75	2.35		
746	0700746	Lý Ngọc Thanh	21/07/2006	Dao	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Ma Li Pho	3.50	4.50	2.30		
747	0700747	Thào A Thanh	14/12/2006	Mông	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Mù Sang	1.75	1.75	1.85		
748	0700748	Lù Thị Thánh	08/05/2006	Giáy	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Nậm Xe	5.50	6.25	4.55		
749	0700749	Chẻo Vần Thành	15/12/2006	Dao	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Vàng Ma Chải	1.50	3.50	2.75		
750	0700750	Lý Xuân Thành	10/04/2006	Dao	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Ma Li Pho	1.00	0.75	1.40		
751	0700751	Chẻo Chung Thành	26/11/2005	Dao	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Huổi Luông	2.00	1.50	1.00		
752	0700752	Vàng Thị Thảo	26/02/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Nậm Xe	6.50	7.50	6.25		
753	0700753	Giàng Phương Thảo	17/11/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Ma Li Pho	3.25	4.00	2.15		
754	0700754	Đèo Hải Thế	20/04/2006	Thái	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Nậm Xe	5.00	7.00	4.55		
755	0700755	Tẩn Phúc Thiên	27/07/2006	Dao	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Ma Li Pho	2.00	3.00	2.05		
756	0700756	Tẩn Trường Thiên	15/07/2006	Dao	Nam	Lai Châu	PTDTBT TH&THCS Số 2 Bản Lang	4.50	5.50	2.30		
757	0700757	Lý Mì Thính	15/12/2006	Hà Nhì	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Huổi Luông	5.00	4.25	3.90		
758	0700758	Phàn Phú Thọ	15/07/2006	Dao	Nam	Lai Châu	PTDTBT TH&THCS Số 2 Bản Lang	4.00	4.75	3.85		
759	0700759	Lò Thị Minh Thư	21/11/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	THCS Khổng Lào	3.00	2.75	1.15		
760	0700760	Hoàng Thị Thương	06/02/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Ma Li Pho	5.75	8.75	6.25		
761	0700761	Lý Minh Thương	14/08/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Ma Li Pho	4.00	6.50	2.90		
762	0700762	Vàng Hồng Thúy	22/02/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	THCS Mường So	6.25	5.75	2.80		
763	0700763	Vàng Thị Tím	13/09/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	TH& THCS Số 1 Bản Lang	4.75	3.50	1.75		
764	0700764	Liều A Tính	18/02/2006	Mông	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Huổi Luông	2.75	2.00	1.80		
765	0700765	Lý A Tơ	02/02/2006	Hà Nhì	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Huổi Luông	3.00	2.50	1.50		
766	0700766	Trang Thế Toàn	08/12/2006	Hà Nhì	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Huổi Luông	3.50	5.75	2.10		
767	0700767	Thào A Tống	14/05/2006	Mông	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Huổi Luông	3.75	5.00	2.00		
768	0700768	Lý A Trầu	14/07/2006	Mông	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Huổi Luông	3.25	2.50	1.80		
769	0700769	Giàng A Trung	01/01/2006	Mông	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Sin Suối Hồ	Vắng	Vắng	Vắng		
770	0700770	Phàn Xuân Trường	05/05/2006	Dao	Nam	Lai Châu	THCS Mường So	5.25	6.25	2.05		
771	0700771	Giàng Minh Trường	12/11/2006	Mông	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Hoang Thèn	1.75	2.75	2.00		
772	0700772	Ma Seo Tuấn	09/01/2006	Hà Nhì	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Dào San	3.50	3.75	1.15		
773	0700773	Sùng A Tùng	01/03/2006	Mông	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Huổi Luông	2.25	2.50	2.25		
774	0700774	Vàng Thị Tươi	15/01/2006	Dáy	Nữ	Lai Châu	THCS Mường So	5.75	2.25	2.55		
775	0700775	Lành Thị Ánh Tuyết	15/08/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	TH& THCS Số 1 Bản Lang	3.00	5.50	3.85		
776	0700776	Hồ Thị Tuyết	13/01/2006	Dáy	Nữ	Lai Châu	THCS Mường So	6.00	2.75	3.45		

TT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Nơi sinh (Tỉnh)	Học sinh trường	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Chuyên	Ghi chú
777	0700777	Phàn Lao U	07/02/2006	Dao	Nam	Lai Châu	THCS Si Lở Lầu	3.50	3.75	1.85		
778	0700778	Chẻo U	27/02/2006	Dao	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Vàng Ma Chải	2.75	6.00	4.20		
779	0700779	Xè Trường Út	26/08/2006	Hà Nhì	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Huổi Luông	2.25	2.25	2.35		
780	0700780	Hoàng Thị Uyển	15/03/2006	Giáy	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Nậm Xe	6.00	5.25	6.30		
781	0700781	Phàn Hải Vân	10/03/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	THCS Khổng Lào	5.25	5.50	3.55		
782	0700782	Đào Phương Vi	03/06/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	THCS Thị trấn Phong Thổ	4.00	6.75	3.45		
783	0700783	Tẩn Minh Xuân	13/05/2006	Dao	Nam	Lai Châu	THCS Si Lở Lầu	2.50	1.75	1.05		
784	0700784	Tẩn Thị Kim Xuân	17/03/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Ma Li Pho	3.25	5.75	2.70		
785	0700785	Tẩn Thị Như Ý	26/11/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Vàng Ma Chải	2.50	4.25	4.10		
786	0700786	Lý Xa Yến	20/08/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Hoang Thèn	2.25	1.00	1.80		
787	0700787	Lù Văn Anh	23/10/2006	Thái	Nam	Lai Châu	THCS Bản Bo	3.50	0.50	1.95		
788	0700788	Lò Thị Anh	19/05/2006	Lào	Nữ	Lai Châu	THCS Nà Tăm	2.75	4.00	2.70		
789	0700789	Sùng Thị Bầu	09/09/2006	Hmông	Nữ	Lai Châu	THCS Khun Há	3.75	2.75	1.90		
790	0700790	Lù Thị Bình	26/07/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	THCS Bản Bo	4.50	6.50	3.10		
791	0700791	Cứ A Cáng	23/01/2006	H'mông	Nam	Lai Châu	THCS Khun Há	2.25	0.75	0.60		
792	0700792	Hàng Thị Chai	13/11/2006	Hmông	Nữ	Lai Châu	THCS Khun Há	3.50	5.00	3.15		
793	0700793	Chảo Văn Chản	20/11/2006	Dao	Nam	Lai Châu	THCS Sơn Bình	5.00	5.50	2.25		
794	0700794	Hoàng Văn Chang	10/03/2006	Dao	Nam	Lai Châu	THCS Giang Ma	3.50	2.00	1.85		
795	0700795	Sùng A Chờ	24/06/2006	mông	Nam	Lai Châu	THCS Khun Há	1.25	2.00	0.40		
796	0700796	Tao Thị Chum	17/08/2006	Lự	Nữ	Lai Châu	THCS Bản Hon	Vắng	Vắng	Vắng		
797	0700797	Lừu Văn Chung	14/07/2006	Thái	Nam	Lai Châu	THCS Khun Há	1.25	1.50	0.85		
798	0700798	Cứ A Chung	04/05/2006	HMông	Nam	Lai Châu	THCS Khun Há	2.00	2.25	1.70		
799	0700799	Ma A Chung	22/10/2006	Mông	Nam	Lai Châu	THCS Giang Ma	4.50	6.00	2.70		
800	0700800	Phàn A Chung	04/01/2006	Dao	Nam	Lai Châu	THCS Giang Ma	3.00	2.50	2.05		
801	0700801	Vàng A Công	17/5/2006	Hmông	Nam	Lai Châu	THCS Khun Há	1.50	2.00	1.70		
802	0700802	Vàng Văn Công	17/05/2006	Lào	Nam	Lai Châu	THCS Nà Tăm	3.25	6.50	3.50		
803	0700803	Vàng A Cử	06/12/2006	Mông	Nam	Lai Châu	THCS Khun Há	1.50	2.50	1.75		
804	0700804	Tao Thị Đăm	11/08/2006	Lự	Nữ	Lai Châu	THCS Bản Hon	0.50	0.00	0.80		
805	0700805	Tẩn Minh Đào	07/07/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	THCS Hồ Thầu	2.50	2.50	3.00		
806	0700806	Hăng A Diên	02/09/2006	Mông	Nam	Lai Châu	THCS Sơn Bình	2.25	0.00	0.60		
807	0700807	Lò Thị Diếng	06/12/2006	Lự	Nữ	Lai Châu	THCS Bản Hon	1.75	3.25	3.30		
808	0700808	Liềm Thị Dinh	20/10/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	THCS Bản Bo	4.50	6.50	3.70		
809	0700809	Lò Thị Đôi	03/07/2006	Lào	Nữ	Lai Châu	THCS Nà Tăm	1.75	3.50	2.30		
810	0700810	Sùng A Lù Dông	01/01/2006	Mông	Nam	Lai Châu	THCS Giang Ma	4.50	4.50	2.60		

TT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Nơi sinh (Tỉnh)	Học sinh trường	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Chuyên	Ghi chú
811	0700811	Lò Thị Dung	04/09/2006	Lự	Nữ	Lai Châu	THCS Bình Lư	2.75	1.75	2.05		
812	0700812	Tao Văn Dũng	02/10/2006	Lự	Nam	Lai Châu	THCS Bản Hon	2.25	0.25	2.05		
813	0700813	Tòng Thị Dũng	18/12/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	THCS Bản Bo	3.00	2.25	2.25		
814	0700814	Lò Văn Dương	27/03/2006	Lự	Nam	Lai Châu	THCS Bình Lư	1.00	0.25	0.65		
815	0700815	Lò Thị Dương	17/12/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	THCS Bản Bo	3.25	3.00	2.65		
816	0700816	Lò Thị Duyên	02/05/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	THCS Bình Lư	6.00	2.75	2.80		
817	0700817	Vàng Thị Én	24/03/2006	Lự	Nữ	Lai Châu	THCS Bản Hon	2.25	1.50	2.30		
818	0700818	Cứ Thị Gầu	02/10/2006	Hmông	Nữ	Lai Châu	THCS Khun Há	4.75	3.25	3.40		
819	0700819	Phàn Thị Ghìn	11/03/2005	Dao	Nữ	Lai Châu	THCS Hồ Thầu	4.50	2.25	2.40		
820	0700820	Tẩn Thị Ghìn	04/11/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	THCS Hồ Thầu	3.50	3.25	2.35		
821	0700821	Cứ Thị Nu Giằng	25/02/2006	Hmông	Nữ	Lai Châu	THCS Khun Há	5.00	2.75	3.30		
822	0700822	Ma A Giông	07/11/2006	H'mông	Nam	Lai Châu	THCS Khun Há	2.25	4.00	3.05		
823	0700823	Tao Văn Hải	16/03/2006	Lự	Nam	Lai Châu	THCS Bản Hon	1.50	4.25	1.70		
824	0700824	Cứ A Hải	19/03/2006	H'mông	Nam	Lai Châu	THCS Khun Há	1.75	0.75	1.65		
825	0700825	Má A Hằng	29/04/2006	Mông	Nam	Lai Châu	THCS Bản Bo	0.75	0.25	1.25		
826	0700826	Phàn Thị Hằng	03/09/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	THCS Hồ Thầu	3.75	2.75	3.55		
827	0700827	Vân Thị Mỹ Hạnh	25/09/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	THCS Thị Trấn	3.25	2.75	2.20		
828	0700828	Sùng A Hồ	09/11/2005	H'mông	Nam	Lai Châu	THCS Khun Há	0.75	1.75	1.05		
829	0700829	Lù Thị Hoa	25/12/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	THCS Bản Bo	6.25	4.75	3.20		
830	0700830	Chang Thị Hoa	04/03/2006	H'mông	Nữ	Lai Châu	THCS Sơn Bình	4.75	2.25	2.45		
831	0700831	Nùng Duy Hoàng	17/09/2006	Thái	Nam	Lai Châu	THCS Bản Bo	3.25	2.75	0.45		
832	0700832	Tao Thị Hồng	15/10/2006	Lự	Nữ	Lai Châu	THCS Bản Hon	2.50	3.25	2.10		
833	0700833	Lò Anh Hùng	25/07/2006	Lào	Nam	Lai Châu	THCS Nà Tăm	5.25	2.50	6.10		
834	0700834	Lò Thị Hương	15/05/2006	Lào	Nữ	Lai Châu	THCS Nà Tăm	1.50	3.75	2.10		
835	0700835	Hoàng Thị Hương	12/06/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	THCS Hồ Thầu	6.00	3.50	2.65		
836	0700836	Tẩn Thị Huyền	29/02/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	THCS Hồ Thầu	6.00	5.75	5.40		
837	0700837	Tao Văn Ín	01/03/2006	Lự	Nam	Lai Châu	THCS Bình Lư	2.25	1.50	1.00		
838	0700838	Lò Văn Ín	25/07/2006	Lự	Nam	Lai Châu	THCS Bản Hon	0.50	2.25	1.90		
839	0700839	Lò Thị Kéo	02/03/2006	Lự	Nữ	Lai Châu	THCS Bản Hon	2.00	6.75	3.70		
840	0700840	Lò Thị Khăn	17/04/2006	Lự	Nữ	Lai Châu	THCS Bình Lư	8.00	4.50	3.70		
841	0700841	Tao Thị Khăn	23/02/2006	Lự	Nữ	Lai Châu	THCS Bản Hon	2.50	0.75	1.35		
842	0700842	Lò Hoàng Khánh	10/10/2006	Thái	Nam	Lai Châu	THCS Khun Há	1.75	2.75	2.15		
843	0700843	Quàng Văn Khánh	11/02/2006	Kháng	Nam	Lai Châu	THCS Bản Bo	2.25	1.50	1.40		
844	0700844	Cứ A Ký	03/01/2006	H'mông	Nam	Lai Châu	THCS Khun Há	1.50	1.75	1.85		

TT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Nơi sinh (Tỉnh)	Học sinh trường	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Chuyên	Ghi chú
845	0700845	Sùng A Là	11/03/2006	Hmông	Nam	Lai Châu	THCS Khun Há	2.00	1.25	2.45		
846	0700846	Hầu Thị Lam	27/11/2005	Mông	Nữ	Lai Châu	THCS Giang Ma	2.00	2.50	3.00		
847	0700847	Hà Văn Lâm	10/11/2006	Thái	Nam	Lai Châu	THCS Bản Bo	2.00	2.00	2.00		
848	0700848	Lò Thị Lan	13/10/2006	Lào	Nữ	Lai Châu	THCS Nà Tăm	3.25	3.00	2.35		
849	0700849	Phàn Thị Lan	28/02/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	THCS Giang Ma	1.00	3.50	2.55		
850	0700850	Phàn Thị Lan	20/07/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	THCS Giang Ma	2.50	1.25	2.80		
851	0700851	Chang Thị Làng	21/09/2006	HMông	Nữ	Lai Châu	THCS Khun Há	3.00	2.50	1.95		
852	0700852	Lù A Long	22/04/2006	Dao	Nam	Lai Châu	THCS Giang Ma	2.00	0.75	1.10		
853	0700853	Giàng A Páo Ly	19/06/2006	Hmông	Nam	Lai Châu	THCS Giang Ma	3.25	5.25	2.60		
854	0700854	Lù Thị Mai	05/02/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	THCS Hồ Thầu	5.50	7.00	3.75		
855	0700855	Lò Thị Nang	31/12/2006	Lào	Nữ	Lai Châu	THCS Bản Bo	4.00	3.50	1.30		
856	0700856	Quàng Thị Nga	19/01/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	THCS Bình Lư	5.00	5.50	3.25		
857	0700857	Tao Văn Ngân	13/10/2006	Lự	Nam	Lai Châu	THCS Bình Lư	2.50	1.25	2.00		
858	0700858	Lò Thị Ngân	26/05/2006	Lào	Nữ	Lai Châu	THCS Nà Tăm	4.50	4.00	3.30		
859	0700859	Tần Thị Ngân	20/10/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	THCS Giang Ma	Vắng	Vắng	Vắng		
860	0700860	Vàng Văn Ngần	03/03/2006	Lự	Nam	Lai Châu	THCS Bản Hon	2.00	1.25	0.90		
861	0700861	Vàng Thị Nghiên	16/11/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	THCS Bản Bo	1.50	2.25	1.70		
862	0700862	Trương Hồng Ngọc	03/11/2006	Giấy	Nữ	Lai Châu	THCS Thị Trấn	5.50	2.50	2.10		
863	0700863	Đèo Hoàng Nguyên	23/05/2006	Giấy	Nam	Lai Châu	THCS Bản Bo	2.25	6.25	2.50		
864	0700864	Tần A Nhàn	20/02/2006	Dao	Nam	Lai Châu	THCS Hồ Thầu	2.00	0.75	0.90		
865	0700865	Lý Văn Nhị	20/02/2006	Dao	Nam	Lai Châu	THCS Bản Bo	1.00	1.00	0.65		
866	0700866	Tao Thị Nhung	05/05/2006	Lự	Nữ	Lai Châu	THCS Bản Hon	3.75	3.25	2.15		
867	0700867	Hàng Thị No	14/12/2006	Hmông	Nữ	Lai Châu	THCS Khun Há	3.00	6.00	2.05		
868	0700868	Phàn Thị Non	13/03/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	THCS Hồ Thầu	6.25	5.25	4.05		
869	0700869	Vàng Thị Pha	20/05/2006	H'mông	Nữ	Lai Châu	THCS Sơn Bình	2.25	1.25	1.90		
870	0700870	Hàng Thị Phi	08/09/2006	H'mông	Nữ	Lai Châu	THCS Sơn Bình	3.25	2.00	2.45		
871	0700871	Lù A Phình	23/08/2006	Hmông	Nam	Lai Châu	THCS Khun Há	2.00	1.75	2.80		
872	0700872	Sùng Thị Pho	25/12/2006	Mông	Nữ	Lai Châu	THCS Giang Ma	2.50	3.00	1.15		
873	0700873	Sùng Thị Phong	20/05/2006	Mông	Nữ	Lai Châu	THCS Giang Ma	4.75	5.25	2.75		
874	0700874	Lù A Phong	15/04/2004	Mông	Nam	Lai Châu	THCS Khun Há	Vắng	Vắng	Vắng		
875	0700875	Lù Văn Phong	21/10/2006	Thái	Nam	Lai Châu	THCS Bản Bo	5.25	4.00	1.05		
876	0700876	Chư Thị Phú	07/03/2006	H'mông	Nữ	Lai Châu	THCS Khun Há	5.00	2.50	2.30		
877	0700877	Tòng Thị Phương	08/11/2005	Thái	Nữ	Lai Châu	THCS Bản Bo	3.25	2.75	1.15		
878	0700878	Vàng Văn Phương	01/09/2006	Thái	Nam	Lai Châu	THCS Bình Lư	3.00	4.00	3.85		

TT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Nơi sinh (Tỉnh)	Học sinh trường	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Chuyên	Ghi chú
879	0700879	Lò Thị Phượng	02/05/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	THCS Bình Lư	4.00	4.25	2.65		
880	0700880	Phùng Văn Quốc	11/04/2006	Dao	Nam	Lai Châu	THCS Bản Bo	2.25	1.25	1.45		
881	0700881	Tao Văn Quyết	21/12/2006	Lự	Nam	Lai Châu	THCS Bản Hon	2.50	1.75	1.45		
882	0700882	Tẩn Thị Quỳnh	09/07/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	THCS Giang Ma	7.25	4.50	3.75		
883	0700883	Lý Thị Sa	20/04/2006	Mông	Nữ	Lai Châu	THCS Sơn Bình	4.00	2.75	4.15		
884	0700884	Chang A Sâu	25/01/2006	mông	Nam	Lai Châu	THCS Khun Há	1.50	2.75	2.05		
885	0700885	Sùng Thị Si	13/04/2006	H'mông	Nữ	Lai Châu	THCS Khun Há	4.00	3.75	2.60		
886	0700886	Lò Thị Si	20/03/2006	Lào	Nữ	Lai Châu	THCS Bản Bo	2.75	2.75	1.50		
887	0700887	Hoàng Văn Sinh	05/09/2005	Giáy	Nam	Lai Châu	THCS Thị Trấn	1.75	1.50	1.30		
888	0700888	Sùng A Sình	09/04/2006	mông	Nam	Lai Châu	THCS Khun Há	2.75	3.00	3.15		
889	0700889	Vàng Thị Sọi	22/03/2006	Lự	Nữ	Lai Châu	THCS Bản Hon	2.75	3.75	2.80		
890	0700890	Lò Văn Sơn	18/11/2006	Thái	Nam	Lai Châu	THCS Bản Bo	2.75	3.25	0.90		
891	0700891	Tao Văn Sơn	25/01/2006	Lự	Nam	Lai Châu	THCS Bình Lư	3.00	2.75	2.80		
892	0700892	Cứ Thị Sua	09/06/2006	Hmông	Nam	Lai Châu	THCS Khun Há	7.00	6.00	4.15		
893	0700893	Sùng Thị Sua	16/08/2006	Hmông	Nữ	Lai Châu	THCS Khun Há	3.00	3.00	3.50		
894	0700894	Giàng Thị Sua	17/09/2006	Hmông	Nữ	Lai Châu	THCS Sơn Bình	2.00	1.50	2.30		
895	0700895	Giàng A Súng	01/12/2006	H'mông	Nam	Lai Châu	THCS Sơn Bình	3.50	2.50	0.90		
896	0700896	Phàn Thị Tấm	14/05/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	THCS Hồ Thầu	2.75	3.00	3.45		
897	0700897	Sùng Thị Tăng	18/02/2006	Hmông	Nữ	Lai Châu	THCS Sơn Bình	3.75	4.00	2.70		
898	0700898	Cứ A Thang	15/10/2006	Hmông	Nam	Lai Châu	THCS Khun Há	3.25	1.25	1.20		
899	0700899	Ma A Tháng	19/02/2006	Hmông	Nam	Lai Châu	THCS Khun Há	0.50	2.00	2.10		
900	0700900	Quảng Văn Thành	15/11/2006	Thái	Nam	Lai Châu	THCS Bình Lư	3.25	2.00	3.70		
901	0700901	Phàn Tiến Thành	20/10/2006	Dao	Nam	Lai Châu	THCS Giang Ma	2.75	2.00	1.30		
902	0700902	Cứ A Thào	01/03/2006	H'mông	Nam	Lai Châu	THCS Khun Há	1.75	3.50	2.65		
903	0700903	Vàng Thị Thảo	07/08/2006	Hmông	Nữ	Lai Châu	THCS Khun Há	5.75	5.75	4.10		
904	0700904	Lò Thị Thảo	14/08/2006	Lào	Nữ	Lai Châu	THCS Nà Tăm	1.50	2.50	1.55		
905	0700905	Lù Thị Phương Thảo	01/07/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	THCS Giang Ma	6.00	4.00	3.25		
906	0700906	Vàng Thị Thích	10/11/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	THCS Bình Lư	5.00	4.25	3.35		
907	0700907	Nông Đức Thịnh	21/10/2006	Thái	Nam	Lai Châu	THCS Thị Trấn	5.25	6.00	4.70		
908	0700908	Vàng Thị Thu	01/09/2006	H'mông	Nữ	Lai Châu	THCS Sơn Bình	2.25	1.50	2.10		
909	0700909	Lù Kim Thương	18/07/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	THCS Hồ Thầu	5.25	4.00	2.15		
910	0700910	Đèo Minh Tiệp	04/11/2006	Thái	Nam	Lai Châu	THCS Bản Bo	4.00	5.25	1.40		
911	0700911	Lò Văn Trung	05/07/2006	Lào	Nam	Lai Châu	THCS Nà Tăm	3.50	4.50	1.35		
912	0700912	Tao Văn Tú	22/05/2006	Lự	Nam	Lai Châu	THCS Bình Lư	0.50	0.50	1.95		

TT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Nơi sinh (Tỉnh)	Học sinh trường	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Chuyên	Ghi chú
913	0700913	Hàng Thị Tùng	06/11/2006	H'mông	Nữ	Lai Châu	THCS Khun Há	3.00	3.00	2.80		
914	0700914	Lò Thị Vân	27/01/2006	Lự	Nữ	Lai Châu	THCS Bình Lư	3.00	3.75	3.40		
915	0700915	Vàng Thị Xạm	18/11/2006	Lào	Nữ	Lai Châu	THCS Nà Tăm	2.25	1.75	0.45		
916	0700916	Lò Thị Xôm	15/05/2006	Lào	Nữ	Lai Châu	THCS Bản Bo	3.50	5.25	2.05		
917	0700917	Lò Thị Xuân	21/01/2006	Lự	Nữ	Lai Châu	THCS Bản Hon	5.00	6.75	3.15		
918	0700918	Lò Văn Ý	03/12/2006	Lào	Nam	Lai Châu	THCS Nà Tăm	0.50	1.00	1.60		
919	0700919	Lò Văn Hải Yến	19/09/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	THCS Thị Trấn	5.00	7.50	3.25		
920	0700920	Lò Thị Phương Anh	07/05/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	THCS Nậm Mạ	2.25	2.50	1.75		
921	0700921	Cao Ngọc Anh	07/10/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	THCS Chăn Nưa	3.50	4.25	3.55		
922	0700922	Lò Tuấn Anh	13/03/2006	Thái	Nam	Lai Châu	THCS Ma Quai	1.75	1.50	1.50		
923	0700923	Lương Thị Ngọc Bích	26/11/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	THCS Nậm Tăm	2.75	1.25	2.95		
924	0700924	Tẩn Kim Bình	14/12/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	THCS thị trấn Sìn Hồ	6.75	7.75	7.50		
925	0700925	Lò Văn Chài	01/10/2006	Lự	Nam	Lai Châu	THCS Ma Quai	4.00	0.75	1.05		
926	0700926	Phồng Mỷ Chắn	07/07/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Làng Mô	5.25	4.00	2.90		
927	0700927	Lý Mai Chang	05/08/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	PTDTBTTHCS Căn Co	Vắng	Vắng	Vắng		
928	0700928	Hạng A Chí	02/10/2006	H'Mông	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Tủa Sín Chải	2.25	2.75	2.50		
929	0700929	Tẩn Xía Chiêu	25/03/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	THCS Tà Phìn	5.50	5.25	1.75		
930	0700930	Lò Văn Choát	02/03/2006	Thái	Nam	Lai Châu	THCS Ma Quai	1.00	0.75	1.05		
931	0700931	Quàng Thị Chom	14/07/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	PTDTBTTHCS Nậm Hăn	1.50	4.50	1.55		
932	0700932	Giàng A Chư	14/02/2006	Hmông	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Hồng Thu	5.00	3.25	2.15		
933	0700933	Lò Thị Chum	05/04/2006	Lự	Nữ	Lai Châu	THCS Ma Quai	2.50	3.00	0.95		
934	0700934	Lò Văn Chum	07/06/2006	Lự	Nam	Lai Châu	THCS Ma Quai	4.50	4.50	1.55		
935	0700935	Tòng Thị Chước	09/01/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	PTDTBTTHCS Nậm Hăn	3.75	6.50	1.70		
936	0700936	Phàn A Com	03/03/2006	Dao	Nam	Lai Châu	PTDTBTTHCS Nậm Hăn	3.75	4.00	2.10		
937	0700937	Lò Văn Công	08/03/2006	Thái	Nam	Lai Châu	THCS Nậm Cuổi	4.50	5.00	1.60		
938	0700938	Lường Thị Cúc	27/02/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	THCS Lùng Thàng	6.25	6.50	2.15		
939	0700939	Lù Văn Cường	16/08/2006	Thái	Nam	Lai Châu	THCS Nậm Cuổi	3.00	1.50	1.75		
940	0700940	Thào Thị Dao	10/10/2006	Mông	Nữ	Lai Châu	THCS thị trấn Sìn Hồ	4.75	2.25	4.15		
941	0700941	Mùa A Dế	28/08/2006	Mông	Nam	Lai Châu	THCS thị trấn Sìn Hồ	5.00	6.25	4.75		
942	0700942	Má Thị Di	07/08/2006	H'Mông	Nữ	Lai Châu	THCS thị trấn Sìn Hồ	7.00	8.50	7.55		
943	0700943	Lầu Vả Di	15/05/2006	H'Mông	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Tà Ngảo	4.00	6.25	5.35		
944	0700944	Lò Thị Đi	01/02/2006	Lự	Nữ	Lai Châu	THCS Ma Quai	2.00	0.75	1.10		
945	0700945	Lò Văn Điếng	06/08/2006	Lự	Nam	Lai Châu	THCS Ma Quai	3.75	5.75	1.95		
946	0700946	Tao Thị Điếng	15/05/2006	Lự	Nữ	Lai Châu	THCS Lùng Thàng	4.75	4.00	1.35		

TT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Nơi sinh (Tỉnh)	Học sinh trường	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Chuyên	Ghi chú
947	0700947	Lừ Thị Diệp	10/09/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	THCS Nậm Cuổi	5.25	5.00	1.30		
948	0700948	Hạng A Dinh	01/11/2006	Mông	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Phìn Hồ	6.00	7.75	3.75		
949	0700949	Lò Thị Định	28/12/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	THCS Nậm Mạ	2.75	3.00	1.55		
950	0700950	Vàng A Dơ	01/01/2006	Mông	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Làng Mô	4.50	5.00	4.00		
951	0700951	Lý Thị Dợ	07/08/2006	Hmông	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Phìn Hồ	5.50	7.25	3.95		
952	0700952	Lò Thị Doãi	17/12/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	THCS Ma Quai	3.75	4.00	0.95		
953	0700953	Lò Văn Dư	24/08/2006	Thái	Nam	Lai Châu	THCS Nậm Mạ	3.50	3.25	2.60		
954	0700954	Vừ Thị Pà Dua	17/09/2006	Mông	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Phìn Hồ	3.75	5.50	3.30		
955	0700955	Giàng Thị Dúa	20/04/2006	Mông	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Tủa Sín Chải	3.25	2.50	2.35		
956	0700956	Giàng Thị Dúa	20/10/2006	H'Mông	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Tà Ngảo	3.50	5.25	4.15		
957	0700957	Lừ Thị Duân	29/09/2005	Thái	Nữ	Lai Châu	THCS Nậm Cuổi	2.75	1.00	1.80		
958	0700958	Mùa Thị Dung	29/03/2006	Hmông	Nữ	Lai Châu	THCS thị trấn Sìn Hồ	5.75	6.50	2.80		
959	0700959	Vàng Ngọc Dũng	04/01/2006	Thái	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Pa Tần	4.25	5.50	2.90		
960	0700960	Khoàng Văn Dương	15/03/2006	Thái	Nam	Lai Châu	THCS Nậm Mạ	2.25	7.00	4.85		
961	0700961	Vàng Đại Dương	23/08/2006	Lự	Nam	Lai Châu	THCS Lùng Thàng	2.50	0.50	0.70		
962	0700962	Lường Văn Duy	16/05/2006	Thái	Nam	Lai Châu	THCS Nậm Cuổi	6.50	7.00	3.75		
963	0700963	Vàng Văn Duy	17/02/2006	Thái	Nam	Lai Châu	THCS Nậm Mạ	5.50	7.75	1.35		
964	0700964	Lò Thị Hà	02/02/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	THCS Lùng Thàng	2.25	3.50	2.45		
965	0700965	Cà Văn Hà	19/02/2006	Thái	Nam	Lai Châu	THCS Ma Quai	1.25	1.50	1.05		
966	0700966	Giàng A Hải	10/10/2006	Mông	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Phìn Hồ	4.00	7.25	1.80		
967	0700967	Điêu Ngọc Hải	15/08/2006	Thái	Nam	Lai Châu	PTDTBT THCS Pa Tần	7.75	7.50	5.50		
968	0700968	Vàng Thu Hằng	19/10/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Pa Tần	2.75	0.50	2.15		
969	0700969	Quàng Văn Hạnh	13/05/2006	Thái	Nam	Lai Châu	THCS Nậm Cuổi	5.75	6.75	2.70		
970	0700970	Cháng Thị Hậu	08/09/2006	Mông	Nữ	Lai Châu	PTDTBT THCS Tủa Sín Chải	4.00	5.00	2.70		
971	0700971	Lò Thị Hậu	19/06/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	THCS Ma Quai	3.75	2.25	1.20		
972	0700972	Lò Thị Hầy	02/10/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	THCS Nậm Cuổi	6.00	7.50	5.75		
973	0700973	Lù Văn Hiệp	06/07/2006	Thái	Nam	Lai Châu	THCS Nậm Cuổi	1.75	3.50	2.00		
974	0700974	Giàng Bảo Hiếu	25/08/2006	H'Mông	Nam	Lai Châu	THCS thị trấn Sìn Hồ	6.00	3.25	3.60		
975	0700975	Lò Văn Hóa	08/02/2006	Thái	Nam	Lai Châu	THCS Nậm Cuổi	3.50	2.50	2.50		
976	0700976	Thào Thị Hòa	09/04/2006	Mông	Nữ	Lai Châu	THCS thị trấn Sìn Hồ	5.50	5.50	5.10		
977	0700977	Vì Thị Hoàng	16/07/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	THCS Nậm Cuổi	2.50	2.75	3.00		
978	0700978	Lò Văn Hưng	10/01/2006	Thái	Nam	Lai Châu	THCS Nậm Cuổi	3.75	2.50	1.50		
979	0700979	Tẩn Thảo Hương	06/01/2006	Dao	Nữ	Lai Châu	THCS thị trấn Sìn Hồ	7.00	7.50	6.10		
980	0700980	Lò Thị Hường	27/04/2006	Thái	Nữ	Lai Châu	THCS Lùng Thàng	3.75	4.75	2.45		